

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành Kế hoạch hoạt động và Kế hoạch tài chính năm 2017
Dự án Tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở cho một số tỉnh
trọng điểm giai đoạn 2012-2016 do Liên minh toàn cầu về Vắc xin
và Tiêm chủng (GAVI) tài trợ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số: 7418/QĐ-BYT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, về việc phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện và bổ sung nguồn vốn cho dự án, điều chỉnh kế hoạch hoạt động năm 2016 và phê duyệt kế hoạch năm 2017 của Dự án “Tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở cho một số tỉnh trọng điểm, giai đoạn 2012-2016” do Liên minh toàn cầu về Vắc xin và Tiêm chủng (GAVI) tài trợ;

Xét đề nghị của Sở Y tế tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 10/TTr-SYT ngày 23/01/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động và Kế hoạch tài chính năm 2017 của Dự án “Tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở cho một số tỉnh trọng điểm giai đoạn 2012-2016” do Liên minh toàn cầu về Vắc xin và Tiêm chủng (GAVI) tài trợ.

Điều 2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./. 14

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Ph).

(B/c)

16

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG
VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2017**

**DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC HỆ THỐNG Y TẾ
CƠ SỞ MỘT SỐ TỈNH TRỌNG ĐIỂM
(GIAI ĐOẠN 2012-2016)**

Do Liên minh Toàn cầu về Vắc-xin và Tiêm chủng (GAVI) tài trợ

Phê duyệt kèm theo Quyết định số 234/QĐ-UBND

Ngày 14 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Nông

Tháng 01 năm 2017



CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BHYT	Bảo hiểm y tế
BYT	Bộ Y tế
BQLDA	Ban quản lý dự án Trung ương
CBYT	Cán bộ y tế
CSBVSKND	Chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân
CSSK	Chăm sóc sức khỏe
GAVI	Liên minh Toàn cầu về vắc-xin và tiêm chủng
HMIS	Hệ thống thông tin quản lý y tế
HPG	Nhóm các nhà tài trợ trong lĩnh vực y tế
HSS	(Dự án) Tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở
NVYTTB	Nhân viên y tế thôn bản
SYT	Sở Y tế
TCMR	Tiêm chủng mở rộng
TOT	Đào tạo giảng viên
TTB	Trang thiết bị
TTYT	Trung tâm y tế
TCĐ/THY	Trường Cao đẳng/Trung học Y
TYT	Trạm y tế xã
UBND	Ủy ban nhân dân
USD	Đô la Mỹ
VND	Đồng Việt Nam
VSDTTW	Vệ sinh dịch tễ trung ương
WB	Ngân hàng thế giới
WHO	Tổ chức y tế thế giới
YTCC	Y tế công cộng
YTCS	Y tế cơ sở
YTDP	Y tế dự phòng
PKĐKKV	Phòng khám đa khoa khu vực
CBYT	Cán bộ y tế
KTKT	Kinh tế kỹ thuật

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tóm tắt về dự án

1.1. Tên dự án:

Tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở cho một số tỉnh trọng điểm (giai đoạn 2012-2016).

1.2. Tên nhà tài trợ: Liên minh toàn cầu về Vắc-xin và Tiêm chủng (GAVI)

1.3. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ

Bộ Y tế

Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84-4-62732273

Fax: 84-4-62732217

1.4. Cơ quan chủ quản:

Bộ Y tế

Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84-4-62732273

Fax: 84-4-62732217

1.5. Chủ dự án:

Vụ Kế hoạch-Tài chính, Bộ Y tế

Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84-4-62732273, máy lẻ 1566

Fax: 84-4-62732209

1.6. Thời gian bắt đầu và kết thúc chương trình: 5 năm, từ tháng 6/2012 đến tháng 12/2017

1.7. Đơn vị thực hiện dự án: Sở Y tế tỉnh Đắk Nông

1.8. Đơn vị phối hợp thực hiện dự án

- Trường trung học y tế
- Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh
- Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản
- UBND các huyện, thị xã
- Phòng Y tế, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã

1.9. Tổng vốn của kế hoạch năm 2016

- Vốn viện trợ không hoàn lại của GAVI: 189.300 USD, tương đương 4.147.000.000 VNĐ
- Vốn đối ứng: Không

1.10. Tổng hợp thông tin tóm tắt của tỉnh dự án

Bảng 1: Thông tin tỉnh

TT	Chỉ số	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng dân số	596.288	
2	Số huyện	8	
3	Số xã	71	
4	Số xã đặc biệt khó khăn (Theo quy định CP)	22	
5	Số thôn, bản	780	
6	Tổng số thôn bản có NVYTTB hoạt động thường xuyên	780	
7	Số thôn bản chưa có NVYTTB hoạt động	0	
8	Tổng số nhân viên y tế thôn bản (NVYTTB)	780	
9	Nhu cầu đào tạo, tập huấn năm 2017		
	• Số CBYT của tuyến huyện cần được tập huấn về thực hành tiêm chủng	76	
	• Số CBYT của TYT xã cần được tập huấn về thực hành tiêm chủng	190	
	• Số CBYT của TYT xã cần được tập huấn về CSSKBMTE	168	
	• Số CBYT tuyến huyện cần tập huấn về lập kế hoạch-giám sát y tế	40	

2. Mục tiêu của dự án

2.1. Mục tiêu chung

Tăng cường năng lực hệ thống y tế, đặc biệt là tuyến y tế cơ sở, thông qua xây dựng năng lực cho cán bộ y tế, cải thiện dịch vụ y tế cơ sở, nâng cao năng lực quản lý, góp phần duy trì và tăng độ bao phủ, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cơ bản, nhất là dịch vụ tiêm chủng và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại một số tỉnh khó khăn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Hỗ trợ phát triển nhân lực y tế cơ sở ở các tỉnh dự án thông qua các lớp đào tạo dài hạn và tập huấn ngắn hạn.

Tăng cường năng lực cung ứng dịch vụ y tế cơ bản có chất lượng, đặc biệt là dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em thông qua cung cấp trang thiết bị y tế thiết yếu và hỗ trợ cung ứng dịch vụ y tế đến các vùng khó khăn.

Nâng cao năng lực quản lý y tế các tuyến để đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển ngành y tế trong tình hình mới.

3. Các hoạt động chính của Dự án

Mục tiêu 1: Phát triển nhân lực y tế cơ sở

Hoạt động 1. Đào tạo 6-9 tháng cho NVYTTB.

Hoạt động 2. Tập huấn về tiêm chủng cho cán bộ bệnh viện/TTYT huyện.

Hoạt động 3. Tập huấn về thực hành tiêm chủng cho cán bộ TYT xã.

Hoạt động 4. Tập huấn về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em cho cán bộ TYT xã.

Mục tiêu 2: Cải thiện năng lực cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở

Hoạt động 5. Cung cấp trang thiết bị thiết yếu cho TTYT huyện, TYT xã và NVYTTB.

Hoạt động 6. Hỗ trợ tổ chức điểm tiêm chủng ngoại trạm ở các xã miền núi.

Mục tiêu 3: Tăng cường năng lực quản lý để đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển ngành y tế.

Hoạt động 7. Tập huấn về lập kế hoạch, theo dõi và giám sát cho cán bộ quản lý y tế tuyến tỉnh và huyện.

Hoạt động 8. Hỗ trợ xây dựng Báo cáo tổng quan chung Ngành Y tế hàng năm (JAHR).

Hoạt động 9. Hỗ trợ theo dõi và giám sát hoạt động y tế cơ sở.

Hoạt động 10. Hỗ trợ thực hiện các nghiên cứu, sáng kiến, chính sách để phát triển y tế cơ sở.

Hoạt động 11. Hội thảo, tập huấn, thăm quan học tập nước ngoài.

Hoạt động 12. Hội nghị, hội thảo, tập huấn trong nước.

Hoạt động liên quan đến quản lý Dự án.

4. Các kết quả chủ yếu của Dự án

Bảng 2: Các kết quả chủ yếu của Dự án

TT	Hoạt động	Số liệu đầu vào (2011)	Dự kiến kết quả đạt được qua các năm (cộng dồn)					
			Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6
	Chỉ số hoạt động							
1	Số NVYTTB được đào tạo lớp 6-9 tháng		0	78	75	63	0	
2	a) Số cán bộ y tế tuyến		0	40	0	51	80	

TT	Hoạt động	Số liệu đầu vào (2011)	Dự kiến kết quả đạt được qua các năm (cộng dồn)					
			Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6
	huyện được tập huấn về thực hành tiêm chủng							
	b) Số cán bộ y tế xã được tập huấn về thực hành tiêm chủng		0	112	0	78	79	
3	Số cán bộ y tế xã được tập huấn về chăm sóc sức khỏe BMTE		0	112	0	84	59	
4	a) Số TTYT huyện được cung cấp trang thiết bị thiết yếu		0	0	0	2	0	
	b) Số TYT xã được cung cấp trang thiết bị thiết yếu		0	0	0	19	0	
5	Số cán bộ y tế được đào tạo về lập kế hoạch và giám sát		0	0	0	35	40	
	Chỉ số đầu ra							
6	Tỷ lệ trẻ em <1 tuổi được tiêm đầy đủ (%)	>90	>90	>90	>90	>90	> 95	
7	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (%)	10	25	30	35	40	45	
8	Tỷ lệ thôn/ấp có NVYTTB hoạt động (%)	85	100	100	100	100	100	

PHẦN II: KẾT QUẢ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG NĂM 2012-2016

1. Kết quả thực hiện các hoạt động của dự án

1.1. Mục tiêu 1: Phát triển nhân lực y tế cơ sở

a) Hoạt động 1. Đào tạo 6-9 tháng cho NVYTTB

Từ 2012 - 2016 Kế hoạch được giao tổng số có 06 lớp, tình hình thực hiện như sau:

Bảng 4. Tình hình tổ chức các lớp đào tạo 6-9 tháng cho NVYTTB trong 5 năm

Năm	Số lớp 6 tháng		Số lớp 9 tháng		Tổng cộng	
	KH	T.hiện	KH	T.hiện	KH	T.hiện
Năm 1 (2012)	0	0	0	0	0	0
Năm 2 (2013)	0	0	2	2	2	2
Năm 3 (2014)	0	0	2	0	2	0
Năm 4 (2015)	2	2	0	0	2	1
Năm 5 (2016)	0	1	0	0	0	1
Cộng	2	2	4	2	6	4

Ghi chú: Năm 2016, mặc dù kế hoạch đào tạo y tế thôn bản không giao mới nhưng do năm 2015 có 01 lớp chưa triển khai kịp nên tiếp tục được chuyển sang năm 2016 để thực hiện Kế hoạch của 2015.

Bảng 5. Tình hình học viên tham dự các lớp đào tạo 6-9 tháng cho NVYTTB trong 5 năm

Lớp 6/9 tháng đã/đang mở	Số học viên		Thành phần học viên			
	KH	Thực tế	Nữ giới		Dân tộc	
			S.lg	%	S.lg	%
Năm 1 (2012)	0	0	0	0	0	0
Năm 2 (2013)	80	78	65	83.3	30	38.5
Năm 3 (2014)	80	75	70	93.3	25	33.3
Năm 4 (2015)	80	63	57	90.5	4	6.3
Cộng	240	216	192	88.89	59	27.31

Bảng 6. Thông tin về học viên qua các năm 2012-2016

Năm	Số Học viên				Kết quả thi tốt nghiệp								HV được cấp Chứng nhận		HV được cấp Chứng chỉ nghề	
	Hoàn thành kh.học		Thi tốt nghiệp		Xuất sắc/Giỏi		Khá/TB khá		Trung bình		Yếu/Kém (trượt)		SL		SL	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%				
Năm 1 (2012)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 2 (2013)	78	97,5	78	100	7	8,9	46	60	25	32,1	0	0	0	0	78	100
Năm 3 (2014)	75	93,8	75	100	8	10,7	65	86,7	2	3,4	0	0	0	0	75	100
Năm 4 (2015)	63	79,7	63	100	4	6.3	53	84.1	6	9.5	0	0	0	0	63	100
Cộng	216	90	216	100	19	8.8	164	75.9	33	15.3	0	0	0	0	216	100

Bảng 7. Độ bao phủ đào tạo YTTB qua các năm 2012 - 2016

Năm	Số lượng và tỷ lệ %	Tuyển huyện	Tuyển xã	Ghi chú
Năm 2013				
Tổng số huyện/xã	Số lượng	08	71	
Số huyện/xã có YTTB do GAVI đào tạo	Số lượng	08	21	
	%	100	29.5	
Năm 2014				
Tổng số huyện/xã	Số lượng	08	71	
Số huyện/xã có YTTB do	Số lượng	08	28	

Năm	Số lượng và tỷ lệ %	Tuyển huyện	Tuyển xã	Ghi chú
GAVI đào tạo	%	100	39.4	
Năm 2015				
Tổng số huyện/xã	Số lượng	08	71	
Số huyện/xã có YTTB do GAVI đào tạo	Số lượng	100	38	
	%	08	53,5	
Chung				
Tổng số huyện/xã	Số lượng	08	71	
Số huyện/xã có YTTB do GAVI đào tạo	Số lượng	08	42	
	%	100	59,2	

Nhận xét, đánh giá hoạt động:

Tóm tắt quy trình, các bước thực hiện hoạt động trong 4 năm qua:

Chỉ tiêu và số lượng đã thực hiện: Số lượng đầu vào đảm bảo 40 HV/lớp các học viên được lựa chọn tại 8 huyện, thị xã. Số lượng đầu ra có 01 lớp đảm bảo 40 học viên (đạt 100%), 03 lớp mỗi lớp 38 học viên (đạt 95%); 01 lớp 37 học viên (đạt 92,7%) và 01 lớp đạt 25 học viên (62,5%). tỷ lệ đã tốt nghiệp so với số đang triển khai đạt 100%.

Công tác tuyển học viên, tiêu chí, số lượng HV/lớp:

- Công tác tuyển chọn học viên:

+ Trên cơ sở phê duyệt hoạt động đào tạo nhân viên y tế thôn bản, Tổ thực hiện dự án làm Công văn thông báo đến TTYT các huyện, thị xã để tuyển chọn học viên tham gia khóa đào tạo 6-9 tháng. Sau khi các huyện đăng ký danh sách, tổ thực hiện dự án sàng lọc và ra quyết định cử nhân viên y tế thôn bản tham gia khóa đào tạo 6-9 tháng và thông báo các hồ sơ, thủ tục nhập học.

- Tiêu chí tuyển học viên các khóa đào tạo y tế thôn bản 6-9 tháng

+ Độ tuổi: Dưới 55 tuổi đối với nữ và dưới 60 tuổi đối với nam;

+ Trình độ văn hoá: Từ tiểu học trở lên hoặc trình độ tương đương (trường hợp không có bằng cấp do mất hoặc thất lạc thì cần có giấy xác nhận của chính quyền địa phương tại quê nhà hoặc nơi đang sinh sống, hoặc xác nhận của Trạm Y tế xã là đã và đang làm y tế thôn bản tại xã, có khả năng đọc, viết lưu loát);

+ Là người tại thôn, làng hoặc ở các thôn, làng khác nhưng cùng một xã;

+ Có đủ sức khỏe để tham gia học tập và công tác tại thôn, làng;

+ Ưu tiên người dân tộc thiểu số, nhân viên y tế thôn bản đã được đào tạo 03 tháng, nhân viên đang tham gia công tác y tế tại các thôn, làng;

+ Học viên lớp 6 tháng cần có giấy chứng chỉ đã học xong 3 tháng;

- + Học viên lớp 9 tháng là người được đào tạo dưới 3 tháng/chưa đào tạo;
- + Mỗi lớp đào tạo cho khoảng 40 học viên (không quá 43 học viên/lớp).

Chương trình đào tạo:

Sở Y tế ra quyết định phê duyệt chương trình đào tạo 6-9 tháng trên cơ sở đề xuất của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Phương Nam)

Có điều chỉnh tỷ lệ thực hành và lý thuyết, bổ sung chương trình TCMR (12 tiết, theo quy định tối thiểu là 8 tiết) cụ thể: Chương trình đào tạo Sơ cấp điều dưỡng theo Quyết định số 57/QĐ – PN ngày 15 tháng 05 năm 2013 của hiệu trưởng trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Phương Nam về việc phê duyệt tài liệu sơ cấp nghề điều dưỡng; Quyết định số 88/QĐ-PN ngày 15 tháng 08 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Phương Nam về việc điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo Điều dưỡng trình độ sơ cấp.

Về nhóm giảng viên:

Nhóm giảng viên được chọn đúng thành phần cụ thể thực hiện theo Quyết định số 39/QĐ-PN ngày 20/05/2013 về việc phê duyệt danh sách giảng viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập lớp nhân viên y tế thôn bản; Quyết định số 97/QĐ-PN ngày 02 tháng 08 năm 2013 về việc phê duyệt bổ sung danh sách giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập lớp nhân viên y tế thôn bản.

Cơ sở vật chất, điều kiện giảng dạy, học tập:

Đạt chuẩn, học viên YTTB được sử dụng thiết bị thực hành của ngành trung cấp Điều dưỡng, Y sỹ, Dược sỹ (phòng lý thuyết được trang bị máy chiếu, tranh ảnh... Phòng thực hành chuyên môn có đủ các mô hình, vật tư, thiết bị theo quy định của Bộ Y tế), bên cạnh đó học viên còn được tham gia thực hành tại bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông với đầy đủ các phương tiện thiết bị y khoa đảm bảo tốt cho công tác học tập của nhân viên y tế thôn bản

Cấp chứng chỉ/chứng nhận sau đào tạo:

Sau khi hoàn thành khóa đào tạo, học viên sẽ tham dự kỳ thi tốt nghiệp bao gồm 2 phần: Lý thuyết tổng hợp và thực hành nghề nghiệp. Trung bình điểm tổng kết của các môn học và kết quả thi tốt nghiệp là kết quả đánh giá phân loại học viên, nếu đạt sẽ được cấp giấy chứng chỉ nghề điều dưỡng trình độ sơ cấp.

Phối hợp giữa các đơn vị để thực hiện:

Trong quá trình thực hiện Trường Trung cấp KTKT Phương Nam đã phối hợp tốt với Sở Y tế trong việc tổ chức khóa học từ khâu tuyển chọn học viên đến khâu khai giảng, tổ chức lớp học và bế giảng lớp học; trong quá trình triển khai không có vướng mắc gì giữa Sở Y tế với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Phương Nam.

Thời gian thực hiện hàng năm:

Đảm bảo theo tiến độ đề ra, riêng 01 lớp đào tạo y tế thôn bản năm 2015 được kết thúc vào tháng 6/2016 và 01 lớp bị chậm so với kế hoạch của năm 2015 nên được chuyển sang đầu tháng 10 năm 2016 thực hiện và đã kết thúc vào tháng 10 năm 2016.

Bao phủ địa bàn đào tạo:

Tỷ lệ số 08/08 huyện, thị xã có NVYTTB tham gia tập huấn của các năm 2013, 2014 và 2015 là 100%. Tình hình bố công việc sau đào tạo: 216/216 học viên y tế thôn bản được cử đi đào tạo đang là nhân viên y tế thôn bản tại các thôn bản trên địa bàn tỉnh nên sau khi kết thúc khóa học 216 học viên tiếp tục được bố trí làm nhân viên y tế thôn bản (đạt 100%)

Một số điểm lưu ý/rút kinh nghiệm/đề xuất:

+ Cách thức tổ chức, học viên, giảng viên, cơ sở vật chất: Các học viên cần được ăn, ở tập trung để đảm bảo sức khỏe, an toàn vệ sinh thực phẩm và giờ giấc tham gia khóa đào tạo; giảng viên phải là những cán bộ dày dặn kinh nghiệm, đã kênh qua kinh nghiệm thực tế tại cộng đồng; cơ sở vật chất cần đảm bảo về trang thiết bị, phương tiện giảng dạy đa dạng, phù hợp với trình độ của học viên tham dự khóa đào tạo.

+ Ý nghĩa của hoạt động đối với hệ thống y tế cơ sở: Để chuẩn hóa trình độ của NVYTTB theo tiêu chuẩn chung của Bộ Y tế, việc huy động nguồn kinh phí của nhà nước rất khó khăn và khả năng chỉ đào tạo phổ cập được trình độ 3 tháng cho YTTB. Dự án đã góp phần to lớn vào việc chuẩn hóa đội ngũ y tế thôn bản tại 8/8 huyện/thị xã đây là việc rất thiết thực và hiệu quả.

+ Nhu cầu sắp tới liên quan đến hoạt động này: Hiện tại còn rất nhiều Y tế thôn bản chưa được đào tạo nên nhu cầu sắp tới cho các hoạt động này là rất lớn, cần tiếp tục huy động nguồn để triển khai hoạt động này tại địa phương.

b) Hoạt động 2. Tập huấn về tiêm chủng cho cán bộ huyện, thị xã

Bảng 8. Tình hình thực hiện lớp tập huấn tiêm chủng cho CBYT tuyến huyện

Lớp	Số lớp		Học viên đầu vào					Học viên đầu ra		
	KH	Thực hiện	Số lượng	Nữ giới		Dân tộc		Số hoàn thành	Cấp chứng nhận	
				S.lg	%	S.lg	%		S.lg	%
Năm 1 (2012)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 2 (2013)	1	1	40	29	72	0	0	40	40	100
Năm 4 (2015)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 5 (2016)	2	2	51	30	58.8	3	5.9	51	51	100
Cộng	3	3	91	59	64.8	3	3.3	91	91	100

Bảng 9. Kết quả tập huấn tiêm chủng cho CBYT tuyến huyện

Lớp	Kết quả lượng giá trước khóa học								Kết quả lượng giá sau khóa học							
	Giỏi		Khá		Trung bình		Dưới TB (Yếu)		Giỏi		Khá		Trung bình		Dưới TB (Yếu)	
	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%
Năm 1 (2012)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 2 (2013)	1	2.5	17	42.5	20	50	2	5	25	62.5	13	32.5	2	5	0	0
Năm 4 (2015)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 5 (2016)	3	5.9	10	19.7	19	37.2	19	37.2	33	64.7	17	33.3	1	2	0	0
Cộng	4	4.4	27	29.7	39	42.9	21	23.1	58	63.7	30	33.0	3	3.3	0	0

Bảng 10. Độ bao phủ tập huấn tiêm chủng cho CBYT tuyến huyện

Nội dung	Tuyến huyện	Ghi chú
Năm 2013		
Tổng số đơn vị	8	
Số đơn vị có CBYT do GAVI đào tạo	8	
% đơn vị có CBYT được đào tạo	100	
Năm 2014		
Tổng số đơn vị	0	
Số đơn vị có CBYT do GAVI đào tạo	0	
% đơn vị có CBYT được đào tạo	0	
Năm 2015		
Tổng số đơn vị	0	
Số đơn vị có CBYT do GAVI đào tạo	0	
% đơn vị có CBYT được đào tạo	0	
Năm 2016		
Tổng số đơn vị	8	
Số đơn vị có CBYT do GAVI đào tạo	8	
% đơn vị có CBYT được đào tạo	100	
Chung cả 4 năm		
Tổng số đơn vị	8	
Số đơn vị có CBYT do GAVI đào tạo	8	
% đơn vị có CBYT được đào tạo	100	

Nhận xét, đánh giá hoạt động:

Tóm tắt quy trình, các bước thực hiện hoạt động trong 5 năm qua:

Chỉ tiêu và số lượng đã thực hiện: Trong giai đoạn 2012-2016 tỉnh Đắk Nông được giao triển khai 03 lớp tập huấn tiêm chủng cho cán bộ tuyến huyện; đã tổ chức được 03 lớp với 91 học viên tham dự

Về tiêu chí chọn học viên: Các học viên được lựa chọn phù hợp với tiêu chí đề ra, cụ thể:

+ Tại Bệnh viện đa khoa: Người tham dự là Điều dưỡng, Nữ hộ sinh tham gia công tác Sản khoa tại Bệnh viện Đa khoa huyện (để triển khai tiêm vắc xin Viêm gan B 24h đầu).

+ Tại TTYT các huyện, thị xã: Người tham dự là cán bộ của TTYT, mỗi đơn vị từ 01-02 cán bộ tham gia vào công tác tiêm chủng, ưu tiên trước cho chuyên trách tiêm chủng người đã/sắp hết hạn giấy chứng nhận tập huấn tiêm chủng theo quy định.

Giảng viên: Là những giảng viên có trình độ và thâm niên công tác trong hoạt động tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh cụ thể: Là Thạc sỹ, Bác sỹ chuyên khoa, bác sỹ đa khoa có đủ năng lực, kiến thức, kinh nghiệm đã được tập huấn Lớp giảng viên tuyển tỉnh (TOT) do Dự án GAVI tổ chức và cấp chứng chỉ.

Về chương trình đào tạo: Sử dụng chương trình đào tạo do dự án GAVI cung cấp, có cập nhật những nội dung mới về tiêm chủng. Số ngày tập huấn vừa đủ để truyền tải toàn bộ kiến thức liên quan đến việc triển khai các hoạt động tiêm chủng tại tuyến huyện.

Phương thức thực hiện:

- Lớp học được tổ chức tại khách sạn sang trọng, có đầy đủ tiện nghi giúp học viên thoải mái tiếp thu kiến thức bài giảng.

- Tổ thực hiện dự án là đơn vị chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn liên quan triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra

Đánh giá chung kết quả tập huấn:

- *Tỷ lệ hoàn thành số lớp so với KH:* Đạt 100% so Kế hoạch đề ra

- *Nhận xét kết quả đánh giá trước-sau tập huấn:* Kiến thức của học viên được nâng lên rõ rệt sau lớp tập huấn cụ thể: Tỷ lệ giỏi tăng từ 4,4% (trước tập huấn) lên 63,7% (sau tập huấn), tỷ lệ trung bình giảm từ 42,9% (trước tập huấn) xuống còn 3,3% (sau tập huấn), tỷ lệ yếu kém giảm 23,1% (trước tập huấn) xuống còn 3,3% (sau tập huấn).

- *Cấp chứng nhận sau tập huấn:* Sau khi hoàn thành khóa đào tạo học viên được Sở Y tế cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp tập huấn về tiêm chủng mở rộng; đây là một trong những yếu tố cần có để tổ chức cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng cho các cơ sở triển khai tiêm chủng.

- *Bao phủ địa bàn đào tạo:* 8/8 huyện, thị xã đều có cán bộ được dự án GAVI tập huấn về tiêm chủng mở rộng.

Hoạt động 3. Tập huấn về thực hành tiêm chủng cho cán bộ TYT xã

Bảng 11. Tình hình thực hiện lớp tập huấn THPT qua các năm 2012-2016

Lớp	Số lớp		Học viên đầu vào					Học viên đầu ra		
	KH	T.hiện	Số lượng	Nữ giới		Dân tộc		Số h/ thành	Cấp chứng nhận	
				S.lg	%	S.lg	%		S.lg	%
Năm 1 (2012)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 2 (2013)	3	3	112	79	70	7	6.2	112	112	100
Năm 3 (2014)	Hoạt động này tạm dừng									
Năm 4 (2015)	2	2	78	55	70,5	8	10,3	78	78	100
Năm 5 (2016)	4	2	79	46	58.2	5	6.3	79	79	100
Cộng	9	7	269	180	66.9	20	7.4	269	269	100

Bảng 12. Kết quả tập huấn THPT qua các năm 2012-2016

Lớp	Kết quả lượng giá trước khóa học								Kết quả lượng giá sau khóa học							
	Giỏi		Khá		Trung bình		Dưới TB (Yếu)		Giỏi		Khá		Trung bình		Dưới TB (Yếu)	
	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%
Năm 1 (2012)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 2 (2013)	5	4.4	19	16.9	44	39.2	44	39.2	100	89.2	9	8	3	2.6	0	0
Năm 3 (2014)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 4 (2015)	1	1,3	7	9	48	61,5	22	28,2	58	74,4	18	23,1	2	2,5	0	0
Năm 5 (2016)	0	0	13	6.5	38	48.1	28	35.4	49	18.2	23	65.0	7	19.8	0	0
Cộng	6	2.2	39	14.5	130	48.3	94	34.9	207	77	50	18.6	12	4.5	0	0

Bảng 13. Độ bao phủ tập huấn Thực hành Tiêm chủng qua các năm

Nội dung	Tuyển huyện	Tuyển xã	Ghi chú
Năm 2013	08	71	
Tổng số đơn vị	08	60	
Số đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	100	84.5	
% đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo			
Năm 2014	08	71	
Tổng số đơn vị	0	0	
Số đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	0	0	

Nội dung	Tuyển huyện	Tuyển xã	Ghi chú
% đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo			
Năm 2015	08	71	
Tổng số đơn vị	08	71	
Số đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	100	100	
% đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo			
Năm 2016	08	71	
Tổng số đơn vị	08	71	
Số đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	100	100	
% đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo			
Chung	08	71	
Tổng số đơn vị	08	71	
Số đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	100	100	
% đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo			

Nhận xét, đánh giá hoạt động:

Chỉ tiêu và số lượng đã thực hiện:

Tổng số lớp triển khai từ năm 2012-2016: 07/09 lớp theo kế hoạch (đạt 71%) trong đó số lớp triển khai năm 2013: 03 lớp với 112 học viên tham dự; Năm 2014 tạm ngưng hoạt động này; năm 2015 triển khai 02 lớp với 78 học viên tham dự, năm 2016 là 79 học viên. Tổng số học viên đến hết năm 2016 là 269 học viên, Số học viên tốt nghiệp 269 học viên.

Về tiêu chí chọn học viên:

Phù hợp với tiêu chí đề ra, học viên tham dự là cán bộ của TYT, mỗi đơn vị từ 01-02 cán bộ tham gia vào công tác tiêm chủng, ưu tiên trước cho chuyên trách tiêm chủng, Trạm trưởng, người khám sàng lọc, người tiêm chủng cho trẻ em, phụ nữ tiêm uốn ván, người đã/hoặc sắp hết hạn giấy chứng nhận tập huấn tiêm chủng theo quy định.

Giảng viên:

Là những giảng viên có trình độ và thâm niên công tác trong hoạt động tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh cụ thể: Là Thạc sỹ, Bác sỹ CKII, Bác sỹ CKI, Bác sỹ đa khoa có đủ năng lực, kiến thức, kinh nghiệm đã được tập huấn lớp giảng viên tuyển tỉnh (TOT) do Dự án GAVI tổ chức và cấp chứng chỉ.

Về chương trình đào tạo:

Sử dụng chương trình đào tạo do dự án GAVI cung cấp, có cập nhật những nội dung mới về tiêm chủng. Số ngày tập huấn vừa đủ để truyền tải toàn bộ kiến thức liên quan đến việc triển khai các hoạt động tiêm chủng tại tuyến xã.

Phương thức thực hiện:

- Lớp học được tổ chức tại khách sạn sang trọng, có đầy đủ tiện nghi giúp học viên thoải mái tiếp thu kiến thức bài giảng.
- Tổ thực hiện dự án là đơn vị chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn liên quan triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra

Đánh giá chung kết quả tập huấn:

Tỷ lệ hoàn thành số lớp so với kế hoạch: Đạt 71,4% so kế hoạch đề ra (do năm 2014 tạm ngưng hoạt động tập huấn tiêm chủng cho Trạm Y tế xã)

Nhận xét kết quả đánh giá trước và sau tập huấn:

Kiến thức của học viên được nâng lên rõ rệt sau lớp tập huấn cụ thể: tỷ lệ giỏi tăng từ 2,2% (trước tập huấn) lên 77% (sau tập huấn), tỷ lệ trung bình giảm từ 48,3% (trước tập huấn) xuống còn 4,4% (sau tập huấn), tỷ lệ yếu kém giảm từ 34,9% (trước tập huấn) xuống còn 0% (sau tập huấn).

Cấp chứng nhận sau tập huấn:

Sau khi hoàn thành khóa đào tạo học viên được Sở Y tế cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp tập huấn về tiêm chủng mở rộng; đây là một trong những yếu tố cần có để tổ chức cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng cho các cơ sở triển khai tiêm chủng.

Bao phủ địa bàn đào tạo: 8/8 huyện/thị xã đều có cán bộ được Dự án GAVI tập huấn về tiêm chủng mở rộng.

c) Hoạt động 4. Tập huấn về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em cho cán bộ TYT xã

Bảng 14. Tình hình thực hiện lớp tập huấn CSSK BMTE qua các năm 2012-2016

Lớp	Số lớp		Học viên đầu vào					Học viên đầu ra		
	KH	T.hiện	Số lượng	Nữ giới		Dân tộc		Số hoàn thành	Cấp chứng nhận	
				S.lg	%	S.lg	%		S.lg	%
Năm 1 (2012)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 2 (2013)	3	3	112	102	91	6	5.3	112	112	100
Năm 3 (2014)	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 4 (2015)	2	2	84	68	80,9	14	16,7	84	84	100
Năm 5 (2016)	4	2	59	45	76.3	6	10.2	59	59	100
Cộng	11	7	255	215	84.3	26	10.2	255	255	100

Bảng 15. Kết quả tập huấn CSSK BMTE qua các năm 2012-2016

Lớp	Kết quả lượng giá trước khóa học								Kết quả lượng giá sau khóa học							
	Giỏi		Khá		Trung bình		Dưới TB (Yếu)		Giỏi		Khá		Trung bình		Dưới TB (Yếu)	
	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%
Năm 1 (2012)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 2 (2013)	6	5,4	9	8	84	75	22	11,6	29	25,9	59	52,7	24	22,5	0	0
Năm 3 (2014)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 4 (2015)	4	4,8	14	16,7	34	40,5	32	38	67	79,8	11	13,1	6	7,1	0	0
Năm 5 (2016)	1	1,7	10	16,9	23	39,0	25	42,4	49	83,1	8	13,6	2	3,3	0	0
Cộng	11	4,2	33	12,5	141	53,4	79	29,9	145	54,9	78	29,5	32	15,5	0	0

Bảng 16. Độ bao phủ tập huấn chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em qua các năm

Nội dung	Tuyển huyện	Tuyển xã	Ghi chú
Năm 2013			
Tổng số đơn vị	08	71	
Số đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	08	60	
% đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	100	84,5	
Năm 2014			
Tổng số đơn vị	08	71	
Số đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	08	60	
% đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	100	84,5	
Năm 2015			
Tổng số đơn vị	08	71	
Số đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	08	71	
% đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	100	100	
Năm 2016			
Tổng số đơn vị	08	71	
Số đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	08	71	
% đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	100	100	
Chung			
Tổng số đơn vị	08	71	
Số đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	08	71	
% đơn vị có CBYT xã do GAVI đào tạo	100	100	

Nhận xét, đánh giá hoạt động:

Chỉ tiêu và số lượng đã thực hiện:

Tổng số lớp triển khai từ năm 2012-2016: 07/09 lớp theo kế hoạch (đạt 77,8%) trong đó số lớp triển khai năm 2013: 03 lớp với 112 học viên tham dự;

năm 2014 tạm ngưng hoạt động này; năm 2015 triển khai 02 lớp với 84 học viên tham dự, số lớp triển khai năm 2016 02 lớp với 59 học viên tham dự. Tổng số học viên đến hết năm 2016 là 264 học viên, số học viên tốt nghiệp 264 học viên.

Về tiêu chí chọn học viên:

Cán bộ y tế đang làm việc tại các Trạm Y tế các xã, phường, thị trấn thuộc Trung tâm Y tế huyện, thị xã; là Bác sỹ hoặc Nữ hộ sinh trung học, Điều dưỡng, Y sỹ đa khoa (*ưu tiên những cán bộ trực tiếp làm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em*).

Về chương trình đào tạo:

Sử dụng chương trình đào tạo do Dự án GAVI cung cấp, có cập nhật những nội dung mới về chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em. Số ngày tập huấn vừa đủ để truyền tải toàn bộ kiến thức liên quan đến việc triển khai các hoạt động CSSK BMTE tại tuyến xã.

Phương thức thực hiện:

- Lớp học được tổ chức tại khách sạn sang trọng, có đầy đủ tiện nghi giúp học viên thoải mái tiếp thu kiến thức bài giảng.
- Tổ thực hiện dự án là đơn vị chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn liên quan triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

Đánh giá chung kết quả tập huấn:

- Tỷ lệ hoàn thành số lớp so với KH: Đạt 77,8% so Kế hoạch đề ra (do năm 2014 tạm ngưng hoạt động tập huấn CSSKBMTE cho Trạm Y tế xã)
- Nhận xét kết quả đánh giá trước và sau tập huấn: Kiến thức của học viên được nâng lên rõ rệt sau lớp tập huấn cụ thể: Tỷ lệ giải tăng từ 4,2% (trước tập huấn) lên 54,9% (sau tập huấn), tỷ lệ khá tăng từ 12,5% (trước tập huấn) lên 29,5% (sau tập huấn), tỷ lệ trung bình giảm từ 53,4% (trước tập huấn) xuống còn 15,5% (sau tập huấn), tỷ lệ yếu kém giảm từ 29,9% (trước tập huấn) xuống còn 0% (sau tập huấn).
- Cấp chứng nhận sau tập huấn: Sau khi hoàn thành khóa đào tạo học viên được Sở Y tế cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp tập huấn về CSSKBMTE.
- Bao phủ địa bàn đào tạo: 8/8 huyện, thị xã đều có cán bộ được Dự án GAVI tập huấn về CSSKBMTE

1.2. Mục tiêu 2: Cải thiện năng lực cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở

a) Hoạt động 5. Cung cấp trang thiết bị thiết yếu cho TTYT huyện, TYT xã và Năm 2013:

Tổ thực hiện dự án ban hành văn bản thông báo cho các huyện, thị xã lập danh sách 02 huyện, 19 xã đặc biệt khó khăn có nhu cầu thay thế mới các trang thiết bị đã cũ và hư hỏng và các y tế thôn bản có nhu cầu sử dụng túi y tế thôn bản. Trên cơ sở đề xuất của các huyện, Tổ thực hiện dự án tổng hợp gửi Ban QLDA Trung ương.

Năm 2014: Xây dựng kế hoạch đề xuất mua sắm

Trên cơ sở nhu cầu của từng tỉnh, BQLDA Trung ương xây dựng kế hoạch, đề xuất mua sắm các trang thiết bị để cấp cho các huyện, xã và y tế thôn buôn trình nhà tài trợ và Bộ Y tế phê duyệt.

Năm 2015 đến nay: Tiếp nhận, sử dụng và quản lý

Hiện tại đã tiếp nhận đủ các trang thiết bị ban hành kèm theo Quyết định 955/QĐ-BYT, ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Y tế về việc phân bổ trang thiết bị thuộc các gói thầu 34, 35, 36, 38, 39, 40, 41 cho các tỉnh thụ hưởng Dự án “Tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở một số tỉnh trọng điểm” do Liên minh Toàn cầu về vắc xin và tiêm chủng viên trợ không hoàn lại và toàn bộ đã được đưa vào sử dụng hiệu quả góp phần vào công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh nhà.

Các trang thiết bị được giao đến cho từng đối tượng được thụ hưởng theo quy định của dự án (TTYT 02 huyện, 19 Trạm Y tế xã và 600 túi Y tế thôn bản) và được đưa vào sử dụng đúng mục đích, mang lại hiệu quả cao, góp phần nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

** Ý nghĩa của hoạt động này đối với địa phương:*

Hoạt động cung cấp các trang thiết bị cho TTYT các huyện, Trạm Y tế các xã và túi y tế thôn bản cho nhân viên y tế thôn bản giúp cho các đơn vị tại những vùng đặc biệt khó khăn có đầy đủ các trang thiết bị cơ bản phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân, góp phần đáp ứng nhu cầu cơ bản trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

- Bảng tổng hợp huyện, xã nhận TTB và túi YTTB

Bảng 17. Danh sách các TTYT huyện được đầu tư trang thiết bị

TT	Tên huyện trong tỉnh	Tên TTYT huyện có đầu tư TTB	Số xã có đầu tư TTB/huyện	Số xã nhận túi YTTB/huyện
1	Đắk GLong	TTYT huyện Đắk GLong	04	07
2	Tuy Đức	TTYT huyện Tuy Đức	03	06

TT	Tên huyện trong tỉnh	Tên TTYT huyện có đầu tư TTB	Số xã có đầu tư TTB/huyện	Số xã nhận túi YTTB/huyện
3	Đắk R'Lấp		02	11
4	Thị xã Gia Nghĩa		0	05
5	Đắk Song		03	09
6	Đắk Mil		02	06
7	Cư Jút		02	08
8	Krông Nô		03	12
Tổng cộng			19	53

b) Hoạt động 6. Hỗ trợ tổ chức điểm tiêm chủng ngoài Trạm Y tế ở các xã miền núi, khó khăn

- Hàng năm trên cơ sở đề xuất của TTYT các huyện, tổ thực hiện dự án ra Quyết định danh sách các điểm tiêm chủng ngoài trạm trên địa bàn các huyện cụ thể: Năm 2015 có rà soát và phê duyệt lại danh mục điểm TCNT so với năm 2014; cụ thể điều chỉnh và phê duyệt cho huyện Krông Nô chuyển 08 điểm tiêm chủng ngoài trạm từ 4 xã được phê duyệt từ đầu dự án sang 6 xã khác và huyện Đắk R'Lấp chuyển 03 điểm từ xã Đạo Nghĩa sang xã Hưng Bình nhưng vẫn đảm bảo khoảng cách từ điểm tiêm chủng ngoài trạm đến Trạm Y tế xã từ 3 km trở lên theo đúng quy định của dự án; do đó từ tháng 6 năm 2015 số xã huyện cụ thể như sau: tổng số huyện 07, số xã: 29, số thôn/bản = điểm TCNT 110.

- Tình hình triển khai hàng năm: Số tháng triển khai là 12 tháng, số điểm tiêm chủng ngoài trạm được dự án hỗ trợ là 110 điểm. Trong quá trình triển khai gặp một số khó khăn như: Nhiều điểm tiêm chủng ngoài trạm phải mượn tạm nhà dân do đó việc bố trí điểm tiêm theo đúng quy trình, quy định của Bộ Y tế là khó thực hiện; tỷ lệ hao phí vắc xin khá cao so với điểm tiêm tại trạm do người dân đến rải rác, không đủ số lượng mũi tiêm so với số liều của 01 lọ vắc xin; nhận thức của người dân còn hạn chế đồng thời trong năm 2014 và 2015 ở một số vùng trong cả nước có xảy ra tai biến trong tiêm chủng làm người dân hoang mang và không giám đưa con em đến các điểm tiêm theo đúng lịch quy định; các điểm tiêm chủng ngoài trạm đa số ở vùng sâu vùng xa, đường xá đi lại khó khăn nên gây không ít khó khăn trong quá trình vận chuyển vắc xin đến các điểm tiêm chủng ngoài trạm...

Bảng 18. Tổ chức điểm TCNT qua các năm 2013-2016

TT	Tên huyện	Số ĐTCNT của từng huyện	Tổng số xã theo huyện	Số xã có điểm TCNT từng huyện	Số điểm TCNT theo KH/ huyện	Số điểm TCNT triển khai/ huyện	% số điểm được thực hiện
1	Đắk Song	20	09	04	20	20	100
2	Đắk Mil	15	10	03	15	15	100
3	Cư Jút	10	08	02	10	10	100
4	Krông Nô	20	12	10	20	20	100
5	Đắk R'Lấp	10	11	03	10	10	100
6	Đắk GLong	20	07	04	20	20	100
7	Tuy Đức	15	06	04	20	20	100
Cộng		110	71	30	110	110	100

Bảng 19. Kết quả tiêm chủng tại các điểm TCNT qua các năm 2013-2016

Năm	Trẻ em được tiêm chủng			Phụ nữ được tiêm uốn ván		
	Tổng số lượt trẻ được tiêm	Số trẻ người dân tộc		Tổng số lượt PN được tiêm	Số PN dân tộc	
		Số lượng	%		Số lượng	%
2013	11.780	1.096	9,3	8.493	1.654	19,5
2014	17.027	2.191	12,9	10.462	2.935	28,1
2015	21.003	2.195	10,5	952	1.872	19,7
2016	15.949	2.281	14,3	44.223	1.525	3,4
Cộng	65.759	7.763	11,8	64.130	7.986	12,5

Tổng số lượt trẻ em được tiêm tại các điểm tiêm chủng ngoài trạm qua các năm 65.759 lượt (số trẻ người đồng bào 7.763 lượt); tổng số lượt phụ nữ tiêm 64.130 lượt (số phụ nữ người đồng bào 7.986 lượt).

Trong quá trình thực hiện tiêm, đối tượng tiêm được tư vấn đầy đủ về tác dụng của các loại vắc xin, hướng dẫn các biện pháp phòng chống các loại dịch bệnh và được hướng dẫn cách theo dõi các phản ứng sau tiêm.

Công tác báo cáo hoạt động tiêm chủng được thực hiện đầy đủ, đúng mẫu theo quy định của dự án.

Các điểm tiêm chủng ngoài trạm được hỗ trợ 3 tháng/lần theo đúng mức quy định của dự án, có sổ sách theo dõi thu chi của Trạm Y tế.

Việc triển khai công tác hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoài trạm cho Trạm Y tế góp phần rất lớn nhằm tăng tỷ lệ tiếp cận của người dân với hoạt động tiêm chủng, đặc biệt là đối với người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, điều kiện đi lại không thuận lợi qua đó góp phần vào sự thành công của công tác phòng chống dịch bệnh, nâng cao sức khỏe nhân dân hiện nay.

*** Khó khăn:**

- Về nhân lực: Biên chế tại TYT xã bố trí thấp, bình quân 06 biên chế/Trạm, không đủ đảm bảo cho đợt tiêm nên cần có sự hỗ trợ thêm cán bộ của TTYT huyện trong các đợt TCNT.

- Về cơ sở, vật chất: Việc tổ chức các điểm TCNT tại nhà dân, nhà Y tế thôn bản hay hội trường thôn còn gặp nhiều khó khăn như không có giường nằm nghỉ sau tiêm, không gian ngồi chờ cho bệnh nhân đến trước và sau tiêm chưa thực sự đảm bảo.

- Tỷ lệ hao phí vắc xin cao đặc biệt tại các điểm tiêm chủng ngoài trạm.

- Về sự phối hợp tổ chức thực hiện tại tuyến y tế cơ sở: Hàng tháng TTYT huyện chỉ đạo TYT xã xây dựng Kế hoạch triển khai điểm tiêm có sự phối hợp với chính quyền địa phương và YTTB.

*** Đề xuất, kiến nghị:**

Kính đề nghị Ban Quản lý dự án GAVI tiếp tục hỗ trợ kinh phí để triển khai các điểm tiêm chủng ngoài trạm đồng thời có hướng cấp thêm một số trang thiết bị để phục vụ công tác tiêm chủng đặc biệt là tại các điểm tiêm chủng ngoài trạm như: Bàn ghế tiêm chủng, các bình tích lạnh bảo quản vắc xin, giường nằm theo dõi, các ô, dù, bạt để che mưa nắng khu vực chờ trước tiêm, đảm bảo che được 50 chỗ ngồi.

1.3. Mục tiêu 3: Tăng cường năng lực quản lý để đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển ngành y tế.

a) Hoạt động 7. Tập huấn về lập kế hoạch, theo dõi và giám sát cho cán bộ quản lý y tế tuyến tỉnh và huyện.

Bảng 20. Tình hình thực hiện lớp tập huấn LKH-TDGS qua các năm 2012-2016

Lớp	Số lớp		Học viên đầu vào			Học viên đầu ra		
	KH	T.hiện	Số lượng	Nữ giới		Số lượng	Cấp chứng nhận	
				S.lg	%		S.lg	%
Năm 1 (2012)	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 2 (2013)	1	0	0	0	0	0	0	0
Năm 3 (2014)	1	0	Hoạt động này tạm ngừng không triển khai					
Năm 4 (2015)	1	1	35	16	45,7	35	35	100
Năm 5 (2016)	2	2	40	17.0	42.5	40	40	100
Cộng	5	3	75	33	44	75	75	100

Bảng 21. Kết quả tập huấn qua LKH-TDGS các năm 2012-2016

Lớp	Kết quả lượng giá trước khóa học								Kết quả lượng giá sau khóa học							
	Giỏi		Khá		Trung bình		Dưới TB (Yếu)		Giỏi		Khá		Trung bình		Dưới TB	
	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%	S.lg	%
Năm 1 (2012)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 2 (2013)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 3 (2014)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Năm 4 (2015)	0	0	2	5,7	18	51,4	15	42,9	21	60	9	25,7	5	14,3	0	0
Năm 5 (2016)	0	0	2	5	14	35	24	60	5	8,3	28	46,7	7	11,7	0	0
Cộng	0	0	4	5,3	32	42,7	39	52,0	26	34,7	37	49,3	12	16,0	0	0

Nhận xét/đánh giá hoạt động:

- *Chỉ tiêu và số lượng đã thực hiện:*

Số lớp được giao theo kế hoạch: 03 lớp (01 lớp năm 2013, 01 lớp năm 2015 và 01 lớp năm 2016) tuy nhiên lớp chưa triển khai 2013 được chuyển sang năm 2014 bị tạm ngưng thực hiện; năm 2015 đã triển khai 01 lớp với 44 học viên tham dự, năm 2016 triển khai 01 lớp với 40 học viên tham dự. Số học viên theo Kế hoạch 120 học viên/02 lớp, thực tế triển khai 84 học viên/lớp.

- *Về tiêu chí chọn học viên:* Phù hợp với tiêu chí đề ra cụ thể:

+ Là các cán bộ công chức, viên chức của Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, bệnh viện đa khoa tỉnh, huyện.

+ Ưu tiên các cán bộ phụ trách công tác lập kế hoạch thuộc phòng Kế hoạch tổng hợp, tổ chức hành chính và các cán bộ trực tiếp triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát;

- *Giảng viên:* Là các Thạc sỹ, Bác sỹ, CKI, CKII của Sở Y tế, TTYTDP tỉnh, TTCSSKSS đã qua lớp đào tạo về lập kế hoạch do BQLDA tổ chức.

- *Về chương trình đào tạo:*

Sử dụng chương trình đào tạo do dự án GAVI cung cấp, có cập nhật những nội dung mới về công tác lập Kế hoạch và theo dõi giám sát. Số ngày tập huấn vừa đủ để truyền tải toàn bộ kiến thức liên quan đến việc triển khai các hoạt động lập kế hoạch, triển khai các hoạt động theo dõi giám sát tại các tuyến.

- *Phương thức thực hiện:*

+ Lớp học được tổ chức tại khách sạn sang trọng, có đầy đủ tiện nghi giúp học viên thoải mái tiếp thu kiến thức bài giảng.

+ Tổ thực hiện dự án là đơn vị chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn liên quan triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

- *Đánh giá chung kết quả tập huấn:*

+ Tỷ lệ hoàn thành số lớp so với KH: Dự kiến đạt 3/3 lớp (đạt 66,7%) theo kế hoạch.

+ Nhận xét kết quả đánh giá trước-sau tập huấn qua các năm kiến thức của học viên được nâng lên rõ rệt sau lớp tập huấn cụ thể: tỷ lệ giỏi tăng từ 0% (trước tập huấn) lên 34,7% (sau tập huấn), tỷ lệ khá tăng từ 5,3% (trước tập huấn) lên 49,3% (sau tập huấn), tỷ lệ trung bình giảm từ 42,7% (trước tập huấn) xuống còn 4,6% (sau tập huấn), tỷ lệ yếu kém giảm từ 52,0% (trước tập huấn) xuống còn 0% (sau tập huấn).

+ Cấp chứng nhận sau tập huấn: 100% học viên sau lớp tập huấn được cấp giấy chứng nhận.

- *Bao phủ địa bàn đào tạo:* Từ năm 2012-2014 không triển khai hoạt động này; năm 2015 và 2016 tập huấn cho 84 người đến từ 8 huyện (TTYT, Phòng Y tế, TTDSKHHGD, Bệnh viện đa khoa các tuyến và các đơn vị y tế tuyến tỉnh).

b) Hoạt động 9. Hỗ trợ theo dõi và giám sát hoạt động y tế cơ sở

Giám sát hỗ trợ do tỉnh thực hiện

- *Nội dung giám sát (GS):*

+ Giám sát hoạt động của y tế cơ sở, đặc biệt là hoạt động của Trạm y tế tuyến xã và hoạt động của YTTB, tập trung vào các hoạt động chuyên môn (tiêm chủng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, khám chữa bệnh...).

+ Giám sát tiến độ, chất lượng và hiệu quả các hoạt động của dự án, đảm bảo các hoạt động triển khai tại trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ Thuật Phương Nam và các huyện, thị xã theo các mục tiêu của dự án (GS và hỗ trợ điểm TCNT); việc sử dụng các biểu mẫu báo cáo được thực hiện đầy đủ. Giám sát công tác tài chính của dự án như kế hoạch tài chính, đề nghị tạm ứng, giải ngân, thanh quyết toán.

- *Tần suất và thành phần đi GS:*

+ Năm 2013: giám sát tuyến huyện 14 lượt và giám sát tại tuyến xã 44 lượt. Thành phần giám sát: 06 người (Tổ trưởng tổ thực hiện dự án, Điều phối viên, Trưởng phòng KHN, Trưởng phòng TCKT, TTYTDP và TTCSSKSS).

+ Năm 2014: Tuyến tỉnh giám sát tuyến huyện 14 lượt và giám sát tại tuyến xã 44 lượt. Thành phần giám sát: 06 người (Tổ trưởng tổ thực hiện dự án, Điều phối viên, Trưởng phòng KHN, Trưởng phòng TCKT, TTYTDP và TTCSSKSS).

+ Năm 2015: Tuyển tỉnh giám sát 03 đợt (02 đợt giám sát định kỳ và 01 đợt giám sát đột xuất về công tác giao nhận trang thiết bị gói thầu 35, 36 tại các huyện và xã do dự án GAVI hỗ trợ) với 16 lượt giám sát tại tuyển huyện và 65 lượt giám sát tại tuyển xã. Thành phần giám sát: 06 người (Tổ trưởng tổ thực hiện dự án, Điều phối viên, Trưởng phòng KHN, Trưởng phòng TCKT, TTYTDP và TTCSSKSS). Riêng giám sát công tác giao nhận trang thiết bị có 02 cán bộ: 01 điều phối viên và 01 kế toán dự án GAVI đi giám sát và giám sát định kỳ đợt 2 có 04 cán bộ tham gia đoàn giám sát.

+ Năm 2016: Tuyển tỉnh giám sát tuyển huyện 14 lượt và giám sát tại tuyển xã 44 lượt. Thành phần giám sát: 06 người (Tổ trưởng tổ thực hiện dự án, Điều phối viên, Trưởng phòng KHN, Trưởng phòng TCKT, TTYTDP và TTCSSKSS).

- *Nhận xét kết quả đạt được qua các năm:*

+ Về số chuyên giám sát của tuyển tỉnh đảm bảo đúng tiến độ và chỉ tiêu Kế hoạch đề ra (tuyển tỉnh giám sát mỗi năm 02 đợt; riêng năm 2015 do có tiếp nhận trang thiết bị dự án GAVI hỗ trợ cho tuyển huyện, xã và thôn bản nên công tác giám sát vượt chỉ tiêu Kế hoạch đề ra (ngoài giám sát định kỳ theo Kế hoạch, còn thực hiện giám sát đột xuất khi thực hiện giao nhận trang thiết bị tại tuyển huyện và tuyển xã).

+ Qua đợt giám sát hướng dẫn, hỗ trợ cho tuyển huyện, xã triển khai thực hiện các chỉ tiêu chuyên môn (Phòng chống dịch bệnh, Tiêm chủng mở rộng, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Vệ sinh môi trường...) do Sở Y tế giao, hướng dẫn triển khai thực hiện công tác xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế. Kết thúc giám sát có biên bản để lại cho đơn vị được giám sát để triển khai, thực hiện và hoàn thiện những kiến nghị của đoàn giám sát.

Tuyển huyện đi giám sát xã

- *Nội dung giám sát*

+ Giám sát hoạt động của y tế cơ sở, đặc biệt là hoạt động của Trạm Y tế tuyển xã và hoạt động của YTTB, tập trung vào các hoạt động chuyên môn (tiêm chủng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, khám chữa bệnh, tình hình tiếp nhận, sử dụng và bảo quản trang thiết bị...).

+ Giám sát tiến độ, chất lượng và hiệu quả các hoạt động của dự án, đảm bảo các hoạt động triển khai tại trường Trung cấp KTKT Phương Nam và các huyện theo các mục tiêu của dự án (GS và hỗ trợ điểm TCNT); việc sử dụng các biểu mẫu báo cáo/số liệu,... Giám sát công tác tài chính của dự án như kế hoạch tài chính, đề nghị tạm ứng, giải ngân, thanh quyết toán.

- *Tần suất và thành phần đi giám sát:*

+ Năm 2013: Tổ chức 04 đợt giám sát tại 22 Trạm Y tế triển khai điểm tiêm chủng ngoài trạm với 88 lượt giám sát. Thành phần gồm 02 người (Cán bộ

chuyên trách GAVI tuyến huyện và 01 lãnh đạo đơn vị hoặc 01 cán bộ chuyên trách công tác TCMR hoặc 01 cán bộ chuyên trách công tác CSSKSS của huyện);

+ Năm 2014: Tổ chức 04 đợt giám sát tại 22 Trạm Y tế triển khai tiêm chủng ngoài trạm với 88 lượt giám sát. Thành phần gồm 02 người (Cán bộ chuyên trách GAVI tuyến huyện và 01 lãnh đạo đơn vị hoặc 01 cán bộ chuyên trách công tác TCMR hoặc 01 cán bộ chuyên trách công tác CSSKSS của huyện);

+ Năm 2015: Tổ chức 04 đợt giám sát tại 100% Trạm Y tế xã trên địa bàn với 276 lượt giám sát. Thành phần gồm 02 người (Cán bộ chuyên trách GAVI tuyến huyện và 01 lãnh đạo đơn vị hoặc 01 cán bộ chuyên trách công tác TCMR hoặc 01 cán bộ chuyên trách công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản của huyện). Riêng đợt thứ 4 (giám sát công tác giao nhận trang thiết bị có 01 cán bộ chuyên trách dự án GAVI hoặc cán bộ phụ trách công tác trang thiết bị của huyện đi giám sát);

+ Năm 2016: Tổ chức 04 đợt giám sát tại 100% Trạm Y tế xã trên địa bàn với 276 lượt giám sát. Thành phần gồm 02 người (Cán bộ chuyên trách GAVI tuyến huyện và 01 lãnh đạo đơn vị hoặc 01 cán bộ chuyên trách công tác TCMR hoặc 01 cán bộ chuyên trách công tác CSSKSS của huyện). Riêng đợt thứ 4 (giám sát công tác giao nhận trang thiết bị có 01 cán bộ chuyên trách dự án GAVI hoặc cán bộ phụ trách công tác trang thiết bị của huyện đi giám sát).

- Nhận xét kết quả đạt được qua các năm:

Về số chuyến giám sát của tuyến huyện từ năm 2013-2014 đảm bảo đúng tiến độ và chỉ tiêu Kế hoạch đề ra (tuyến huyện giám sát mỗi năm 04 đợt); riêng năm 2015 do có tiếp nhận trang thiết bị dự án GAVI hỗ trợ cho tuyến xã và thôn bản nên công tác giám sát vượt chỉ tiêu Kế hoạch đề ra (ngoài giám sát định kỳ theo Kế hoạch, các huyện còn thực hiện giám sát đột xuất khi thực hiện giao nhận trang thiết bị tại tuyến huyện và tuyến xã), năm 2016 giám sát tại 71/71 xã, phường, thị trấn.

- Ý nghĩa của hoạt động GS

Qua đợt giám sát hướng dẫn, hỗ trợ cho tuyến xã triển khai thực hiện các chỉ tiêu chuyên môn (Phòng chống dịch bệnh, Tiêm chủng mở rộng, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Vệ sinh môi trường...) do Sở Y tế giao, Hướng dẫn triển khai thực hiện công tác xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế. Kết thúc giám sát có biên bản để lại cho đơn vị được giám sát để triển khai, thực hiện và hoàn thiện những kiến nghị của đoàn giám sát.

Bảng 22: Tuyển tỉnh đi giám sát tuyển huyện và tuyển xã qua các năm 2013-2016

Năm	Số chuyển/lần giám sát			Số lần CB giám sát			Số lần giám sát các cơ sở									Số lần tham gia của đơn vị					
	KH	Th.hiện		KH	Th.hiện		Tuyển huyện			Tuyển xã			Trường THPT			Trung tâm YTDĐ			Tr.tâm CSSKSS		
		S.lg	%		S.lg	%	KH	Th.hiện	KH	Th.hiện	KH	Th.hiện	KH	Th.hiện	KH	Th.hiện	KH	Th.hiện	KH	Th.hiện	
								S.lg		%		S.lg		%		S.lg		%		S.lg	%
2013	58	58	100	348	348	100	14	14	100	44	44	100	9	9	100	58	58	100	58	58	100
2014	58	58	100	348	348	100	14	14	100	44	44	100	9	9	100	58	58	100	58	58	100
2015	58	72	182	174	492	283	14	16	114	44	64	145	0	2	200	29	29	100	29	29	100
2016	58	72	182	174	492	283	14	16	114	44	64	145	0	2	200	29	29	100	29	29	100
Tổng	232	260	112.1	1044	1680	160.9	56	60	107	176	216	122.7	18	22	122.2	174	174	100	174	174	100

Bảng 23: Tuyển huyện đi giám sát tuyển xã qua các năm 2013-2016

Năm	Tổng số đơn vị		Kế hoạch GS			Thực hiện các chuyển GS							
	Tuyển huyện	Tuyển xã	Số lần GS	Số lần xã GS	Số lần CB đi GS	Số lần đi GS		Số lần xã GS		Số lần cán bộ GS		Tham gia của SKSS	
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2013	7	71	88	264	176	88	100	264	100	176	100	44	50
2014	7	71	112	336	224	112	100	336	100	224	100	56	50
2015	7	71	284	348	568	276	97,2	261	75	489	86,1	142	51,4
2016	7	71	284	348	568	276	97,2	261	75	489	86,1	142	51,4
Cộng	7	71	768	1.296	1.536	752	97.9	1.122	86.6	1.378	89.7	384	100

c) Hoạt động 12. Hội nghị, hội thảo, tập huấn trong nước.

Năm 2013:

- Tình hình triển khai kế hoạch: Sở Y tế tổ chức hội tổng kết dự án năm 2012-2013 và triển khai KH 2014 có sự tham gia của Lãnh Đạo UBND tỉnh cùng các Sở Ngành như: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài Chính, Sở Nội vụ, Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Phương Nam, Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, T4g, TTCSSKSS, BVĐK tỉnh, Phòng Y tế các huyện, thị xã, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã với tổng số đại biểu tham dự là 74 đại biểu.

- Thời gian triển khai 01 ngày vào ngày 23/01/2013.

- Nội dung:

+ Giới thiệu khái quát về các nội dung chuẩn bị triển khai dự án cho các Sở, ngành và các đơn vị trực thuộc nắm bắt Kế hoạch hoạt động của Dự án GAVI năm 2012-2013 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

+ Hướng dẫn thực hiện một số hoạt động và thanh quyết toán cho tuyển huyện, xã năm 2012-2013.

Năm 2014:

- Tình hình triển khai kế hoạch: Sở Y tế tổ chức hội tổng kết dự án năm 2014 và triển khai KH 2015 có sự tham gia của Lãnh Đạo UBND tỉnh cùng các Sở Ngành như: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài Chính, Sở Nội vụ, Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật Phương Nam, Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, T4g, TTCSSKSS, BVĐK tỉnh, Phòng Y tế các huyện, thị xã, Trung tâm Y tế các huyện/thị xã với tổng số đại biểu tham dự là 54 đại biểu.

- Nội dung:

+ Báo cáo Kết quả hoạt 2012-2013 và triển khai kế hoạch 2014.

+ Hoạt động đấu thầu mua sắm và cung cấp TTB cho TTYT tuyến huyện, TYT xã, túi YTTB.

+ Trình bày lưu ý trong chỉ tiêu và thanh quyết toán cho tuyến huyện, xã năm 2014.

+ Cập nhật về Chương trình TCMR.

+ Triển khai công tác xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã năm 2014.

Năm 2015:

- Tình hình triển khai kế hoạch: Sở Y tế tổ chức hội tổng kết dự án năm 2014 và triển khai KH 2015 có sự tham gia của Lãnh Đạo UBND tỉnh cùng các Sở Ngành như: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài Chính, Sở Nội vụ, Trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật Phương Nam, Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, T4g, TTCSSKSS, BVĐK tỉnh, Phòng Y tế các huyện, thị xã, Trung tâm Y tế các huyện/thị xã với tổng số đại biểu tham dự là 72 đại biểu.

- Thời gian triển khai 01 ngày vào ngày 21/3/2015.

- Nội dung:

+ Báo cáo Kết quả hoạt 2014 và triển khai kế hoạch 2015.

+ Hoạt động đấu thầu mua sắm và cung cấp TTB cho TTYT tuyến huyện, TYT xã, túi YTTB.

+ Trình bày lưu ý trong chỉ tiêu và thanh quyết toán cho tuyến huyện, xã năm 2015.

+ Cập nhật về Chương trình TCMR.

+ Triển khai các nội dung về tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, công tác xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2015.

Năm 2016:

Tình hình triển khai kế hoạch: Sở Y tế tổ chức hội tổng kết dự án năm 2015 và triển khai KH 2016 có sự tham gia của Lãnh Đạo UBND tỉnh cùng các Sở Ngành như: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài Chính, Sở Nội vụ, Trường

Trung cấp kinh tế kỹ thuật Phương Nam, Trung tâm Y tế tỉnh, T4g, TTCSSKSS, BVĐK tỉnh, Phòng Y tế các huyện, thị xã, Trung tâm Y tế các huyện/thị xã với tổng số đại biểu tham dự là 72 đại biểu.

- Thời gian triển khai 01 ngày vào ngày 23/3/2016.
- Nội dung:
 - + Báo cáo Kết quả hoạt 2015 và triển khai kế hoạch 2016.
 - + Tình hình tiếp nhận và sử dụng trang thiết bị do dự án GAVI cấp.
 - + Trình bày lưu ý trong chỉ tiêu và thanh quyết toán cho tuyến huyện, xã năm 2016.
 - + Cập nhật về Chương trình TCMR.
 - + Triển khai các nội dung về tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, công tác xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2016.

Bảng 24. Tình hình thực hiện hội thảo qua các năm 2012-2016

Năm	Số hội thảo		Số lượng đại biểu tham dự
	<i>KH</i>	<i>T.hiện</i>	
Năm 1 (2012)	0	0	0
Năm 2 (2013)	1	1	74
Năm 3 (2014)	1	1	54
Năm 4 (2015)	1	1	72
Năm 5 (2016)	1	1	111
Cộng	4	4	311

1.4. Quản lý dự án

Công tác quản lý chung, chỉ đạo tuyến dưới: Kết hợp những đợt giám sát chỉ đạo về chuyên môn cho tuyến dưới.

Công tác mua sắm, tư vấn (ĐPV).

Công tác quản lý số liệu của Dự án, báo cáo thường xuyên/đợt xuất.

1.5. Chi lương cho cán bộ dự án

Năm 2012-2013: Không chi lương cho cán bộ dự án do chưa có Điều phối viên.

Năm 2014: 10 tháng đầu năm không chi lương cho cán bộ dự án do chưa có Điều phối viên. Từ tháng 11 đến tháng 12 thực hiện chi lương hàng tháng cho cán bộ quản lý dự án (Điều phối viên), tính đến hết tháng 12/2014, chi 2.000 USD tiền lương cán bộ điều phối viên dự án.

Năm 2015: Thực hiện chi lương hàng tháng cho cán bộ quản lý dự án, tính đến hết tháng 12/2015, chi 12.000 USD tiền lương cho cán bộ điều phối viên dự án.

Năm 2016: Thực hiện chi lương hàng tháng cho cán bộ quản lý dự án, tính đến hết tháng 12/2016, chi 12.000 USD tiền lương cho cán bộ điều phối viên dự án.

2. Công tác quản lý tài chính và giải ngân:

- *Tình hình tạm ứng và xây dựng kế hoạch hoạt động gửi ban QLDA:* Hàng năm Tổ thực hiện dự án xây dựng dự thảo Kế hoạch hoạt động và Kế hoạch tài chính trình BQLDA xem xét, sau khi có văn bản thống nhất của BQLDA; Tổ thực hiện dự án trình UBND tỉnh ra quyết định phê duyệt Kế hoạch hoạt động và Kế hoạch tài chính. Trong quá trình triển khai các hoạt động Tổ thực hiện dự án trình BQLDA tạm ứng kinh phí để triển khai, thực hiện theo tiến độ Kế hoạch đề ra.

- *Giải ngân, tỷ lệ giải ngân các năm:* Phụ lục 1, 2, 3 đính kèm

- *Việc sử dụng phần mềm kế toán BRAVO:* Sử dụng thành thạo phần mềm BRAVO, công tác nhập, xuất thực hiện theo đúng quy định của Dự án.

3. Đánh giá chung tình hình thực hiện

3.1. Kết quả đạt được:

a) Công tác quản lý chung:

Thực hiện công tác quản lý chung các hoạt động của dự án theo đúng quy định, công tác mua sắm trang thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của dự án thực hiện đúng theo các quy định hiện hành, lương của cán bộ dự án được chi đúng và đầy đủ theo quy định.

b) Về thực hiện các chỉ tiêu hoạt động hàng năm: Đa số các hoạt động được triển khai đảm bảo theo đúng chỉ tiêu Kế hoạch đề ra cụ thể:

- *Năm 2012 và 2013:*

+ Hoạt động 1 đào tạo Y tế thôn bản: Triển khai không đạt theo chỉ tiêu thực hiện được 2/4 lớp (đạt 50%);

+ Hoạt động 12 (Hội nghị, hội thảo, tập huấn trong nước): thực hiện được 1/2 Hội nghị (đạt 50%);

+ Các hoạt động khác triển khai đảm bảo đúng chỉ tiêu đề ra.

- *Năm 2014:*

+ Hoạt động 3 (Tập huấn thực hành tiêm chủng): Triển khai 0/2 lớp (do tạm ngưng);

+ Hoạt động 4 (Tập huấn CSSKBMTE): Triển khai 0/2 lớp (do tạm ngưng);

+ Các hoạt động khác triển khai đảm bảo đúng chỉ tiêu đề ra.

- *Năm 2015:*

Các hoạt động khác triển khai đảm bảo đúng chỉ tiêu đề ra. Đặc biệt trong quý IV triển khai thêm các 02 lớp tập huấn về Tiêm chủng; 02 lớp tập huấn về CSSKBMTE; 01 lớp tập huấn về lập kế hoạch và 02 lớp đào tạo y tế thôn bản.

c) Về công tác quản lý tài chính và giải ngân hàng năm:

- Công tác quản lý tài chính: Thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế quản lý tài chính của dự án; công tác thanh quyết toán thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời theo quy định.

- Công tác giải ngân hàng năm:

Năm 2012 và 2013: Tổng kinh phí được phân bổ 155.121 USD tương đương 3.229.657.000 đồng; số kinh phí đã thực hiện nhưng chưa quyết toán trong năm 2013 là 13.909 USD tương đương 277.033.388 đồng trong đó:

+ Số kinh phí đào tạo 9 tháng y tế thôn bản dư 5.868 USD tương đương 109.600.000 đồng;

+ Số kinh phí tập huấn thực hành tiêm chủng cho huyện dư 1.128 USD tương đương 23.483.788 đồng;

+ Số kinh phí tập huấn thực hành tiêm chủng cho xã dư 4.782 USD tương đương 99.564.000 đồng;

+ Số kinh phí tập huấn CSSKBMTE cho xã dư 947 USD tương đương 19.730.000 đồng;

+ Số kinh phí tập huấn hội nghị, hội thảo trong nước dư 1.184 USD tương đương 24.655.600 đồng.

Năm 2014: Tổng kinh phí được phân bổ 132.256 USD tương đương 1.628.160.000 đồng; số kinh phí chưa thực hiện năm 2014 là 12.542 USD tương đương 263.881.488 đồng, trong đó:

+ Số kinh phí tập huấn thực hành tiêm chủng cho huyện dư 1.116 USD tương đương 23.483.788 đồng;

+ Số kinh phí tập huấn thực hành tiêm chủng cho xã dư 4.719 USD tương đương 99.272.000 đồng;

+ Số kinh phí tập huấn CSSKBMTE cho xã dư 973 USD tương đương 20.480.000 đồng;

+ Số kinh phí tập huấn hội nghị, hội thảo trong nước dư 536 USD tương đương 11.279.725 đồng.

+ Kinh phí quản lý dự án: dư 5.198 USD tương đương 109.365.975 đồng

Năm 2015: Tổng kinh phí được phân bổ 175.200 USD tương đương 6.354.000.000 đồng. Hiện tại đã giải ngân 3.815.290.717 đồng trong đó:

+ Lớp đào tạo Y tế thôn bản 9 tháng năm 2014 chuyển sang: 2.209.000.000 đồng;

- + Lớp đào tạo Y tế thôn bản 6 tháng năm 2015: 1.591.000.000 đồng;
- + Kinh phí hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoài trạm năm 2015 với tổng số kinh phí giải ngân là: 333.210.000.000 đồng;
- + Kinh phí giám sát cho tuyến tỉnh và huyện là: 271.000.000 đồng;
- + Kinh phí hội nghị tập huấn trong nước: 116.0890.000 đồng.

c) Công tác báo cáo, quản lý số liệu:

Thực hiện theo định kỳ và đột xuất theo quy định của dự án. Sau mỗi hoạt động triển khai tổ thực hiện dự án báo cáo kết quả triển khai về BQLDA và Sở Y tế.

Các số liệu được quản lý bằng file mềm trên máy vi tính và bằng văn bản có chữ ký của lãnh đạo đơn vị tại các tuyến.

3.2. Thuận lợi, khó khăn

a) Thuận lợi:

Được sự quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện thường xuyên của lãnh đạo Sở Y tế trong việc triển khai, thực hiện các hoạt động của dự án nên các hoạt động của dự án được diễn ra thuận lợi.

Đa số các cán bộ chuyên trách của tỉnh và các huyện đã làm quen và triển khai khá thành thạo các hoạt động của dự án, do đó các chỉ tiêu được giao đều đạt theo yêu cầu đề ra cả về số lượng và chất lượng.

Tổ thực hiện dự án thường xuyên tổ chức họp đánh giá chất lượng, tiến độ triển khai các hoạt động của dự án; qua đó có phương án khắc phục những vấn đề còn tồn tại nên đa số các hoạt động của dự án đều đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ của dự án.

b) Khó khăn:

- Có sự thay đổi một số biểu mẫu mới trong công tác thu thập thông tin về điểm tiêm chủng ngoài trạm nên trong quá trình triển khai một số huyện còn ngỡ ngàng, phần nào ảnh hưởng đến tiến độ, thời gian báo cáo;

- Từ năm 2012 đến hết tháng 10/2014 do chưa có cán bộ Điều phối viên chuyên trách của dự án nên các hoạt động được triển khai khá bị động; các cán bộ trong tổ thực hiện dự án phải kiêm nhiệm nhiều hoạt động tại Sở Y tế nên thời gian dành cho các hoạt động của dự án chưa được thường xuyên đặc biệt trong 6 tháng đầu năm 2015 do có sự luân chuyển cán bộ từ các phòng ban về các đơn vị trực thuộc và ngược lại trong đó có thành viên của tổ thực hiện dự án GAVI nên thiếu nhân lực làm việc kiêm nhiệm, do đó trong quá trình triển khai một vài công việc còn khá bị động;

- Nhận thức người dân còn hạn chế, bên cạnh đó do trong quá trình tiêm chủng, một số tỉnh dễ xảy ra tai biến trong tiêm chủng làm cho người dân lo

lắng, không hợp tác trong công tác tiêm chủng, đây cũng là một trong những yếu tố làm tỷ lệ tiêm chủng đạt chưa cao;

- Nhiều điểm tiêm chủng ngoài trạm phải mượn tạm nhà dân, nên khó thực hiện được đầy đủ các quy trình về tiêm chủng theo quy định của Bộ Y tế;

- Năm 2015 tỉnh Đắk Nông các hoạt động đào tạo về công tác tiêm chủng, đào tạo công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em cho cán bộ chuyên trách tại huyện huyện, xã và tập huấn lập kế hoạch được giao thực hiện vào quý IV do đó một số cán bộ không được cập nhật kịp thời các kiến thức trong lĩnh vực này do đó trong quá trình triển khai còn bị động;

- Hoạt động đào tạo Y tế thôn bản năm được triển khai không thường xuyên và muộn (năm 2014 không đào tạo, năm 2015 đang tổ chức đào tạo 01 lớp, năm 2016 tổ chức 02 lớp đào tạo 6 tháng) trong khi đó còn rất nhiều cán bộ y tế thôn chưa được qua đào tạo dài hạn nên trong quá trình triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tại địa phương còn rất nhiều khó khăn.

c) Đề xuất, kiến nghị: Kính đề nghị Ban quản lý dự án:

- Tiếp tục tạo điều kiện cho tỉnh Đắk Nông được tổ chức các lớp tập huấn về tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, lập kế hoạch để các cán bộ chuyên trách được cập nhật kiến thức kịp thời có như vậy mới đảm bảo thực hiện tốt được nhiệm vụ được giao; đặc biệt là công tác đào tạo nhân viên y tế thôn bản vì hiện tại tỷ lệ nhân viên y tế thôn bản đã qua các lớp đào tạo nhất là đào tạo 9 tháng còn chiếm tỷ lệ thấp (khoảng 50%).

- Xem xét cấp thêm máy siêu âm, máy đo điện tim cho Trung tâm Y tế huyện, Trạm Y tế xã và cấp thêm túi y tế thôn bản để đảm bảo tất cả nhân viên y tế thôn bản có đầy đủ các trang thiết bị thiết yếu cần thiết cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

PHẦN III: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch hoạt động gia hạn

Thư tài trợ số GAVI/12/096/llm ngày 31/5/2012 của Liên minh toàn cầu về Vắc xin và Tiêm chủng (GAVI);

Quyết định số 2468/QĐ-BYT, ngày 17/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, về việc phê duyệt nội dung văn kiện dự án “Tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở một số tỉnh trọng điểm” giai đoạn 2012-2016, do Liên minh toàn cầu về Vắc xin và Tiêm chủng (GAVI) tài trợ;

Quyết định số 365/QĐ-BYT ngày 30/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính dự án “Tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở một số tỉnh trọng điểm”, giai đoạn 2012-2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Quyết định này;

Thông tư số 219/TT-BTC, ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các văn bản liên quan khác;

Kết quả tình hình thực hiện dự án và nhu cầu địa phương liên quan đến chương trình tiêm chủng mở rộng;

Căn cứ nhu cầu và khả năng thực hiện dự án tại tỉnh.

2. Mục tiêu kế hoạch hoạt động năm 2017

2.1. Mục tiêu chung

Tăng cường năng lực hệ thống y tế, đặc biệt là tuyến y tế cơ sở, thông qua xây dựng năng lực cho cán bộ y tế, cải thiện dịch vụ y tế cơ sở, nâng cao năng lực quản lý, góp phần duy trì và tăng độ bao phủ, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cơ bản, nhất là dịch vụ tiêm chủng và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại một số tỉnh khó khăn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hỗ trợ phát triển nhân lực y tế cơ sở ở các tỉnh dự án thông qua các lớp đào tạo dài hạn và tập huấn ngắn hạn;

- Tăng cường năng lực cung ứng dịch vụ y tế cơ bản có chất lượng, đặc biệt là dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em thông qua cung cấp trang thiết bị y tế thiết yếu và hỗ trợ cung ứng dịch vụ y tế đến các vùng khó khăn;

- Nâng cao năng lực quản lý y tế các tuyến để đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển Ngành Y tế trong tình hình mới.

3. Dự kiến các kết quả đầu ra chính

Bảng 25. Các chỉ tiêu và hoạt động được triển khai

HD	Các hoạt động theo các mục tiêu	Kết quả đầu ra
Mục tiêu 1: Cải thiện năng lực của đội ngũ nhân viên y tế thôn bản ở các tỉnh dự án		
	<i>Hoạt động 2.</i> Tập huấn về thực hành tiêm chủng cho cán bộ YT tuyến huyện	Tổ chức 02 lớp tập huấn về thực hành tiêm chủng, cho khoảng 80 cán bộ YT tin, huyện. Trong đó, gồm: - Thuộc KH 2016 chuyển sang: 0 lớp - Bổ sung kế hoạch 2017: 02 lớp
2	<i>Hoạt động 3.</i> Tập huấn về thực hành tiêm chủng cho cán bộ TYT xã	Tổ chức 05 lớp tập huấn về thực hành tiêm chủng, cho khoảng 200 cán bộ của Trạm Y tế xã. Trong đó, gồm: - Thuộc KH 2016 chuyển sang: 03 lớp - Bổ sung kế hoạch 2017: 02 lớp
3	<i>Hoạt động 4.</i> Tập huấn về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em cho cán bộ Trạm	Tổ chức 06 lớp tập huấn về CSSK bà mẹ-trẻ em, cho khoảng 180 cán bộ của Trạm Y tế xã

HD	Các hoạt động theo các mục tiêu	Kết quả đầu ra
	Y tế xã	Trong đó, gồm: - Thuộc KH 2016 chuyển sang: 6 lớp - Bổ sung kế hoạch 2017: 0 lớp
Mục tiêu 2: Cải thiện năng lực cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở		
4	Hoạt động 5. Cung cấp trang thiết bị thiết yếu cho TTYT huyện, TYT xã và NVYTTB	Không thực hiện
5	Hoạt động 6. Hỗ trợ tổ chức điểm tiêm chủng ngoại trạm ở các xã miền núi	110 điểm tiêm chủng ngoại trạm được triển khai. Triển khai từ tháng 1-9/2017
Mục tiêu 3: Tăng cường năng lực quản lý để đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển ngành y tế		
6	Hoạt động 7. Tập huấn lập kế hoạch – theo dõi-giám sát y tế cho CBYT huyện	Tổ chức 01 lớp tập huấn, cho khoảng 40 cán bộ y tế Trong đó, gồm: - Thuộc KH 2016 chuyển sang: 01 lớp - Bổ sung kế hoạch 2017: 0 lớp
7	Hoạt động 9. Hỗ trợ theo dõi và giám sát hoạt động y tế cơ sở.	Tuyển tỉnh sẽ GS huyện, xã: 2 lần/huyện/năm. Tuyển huyện sẽ GS xã: tối đa 4 lần/xã/năm. Triển khai từ 1-9/2017 Trong Q4: tuyển tỉnh dành kinh phí kiểm kê TTB và bàn giao tài sản, quyết toán.
8	Hoạt động 10. Hỗ trợ thực hiện các nghiên cứu, sáng kiến, chính sách để phát triển y tế cơ sở	Không thực hiện
9	Hoạt động 11. Hội thảo, tập huấn, thăm quan học tập nước ngoài.	Theo KH của Ban QLDA
10	Hoạt động 12. Hội nghị, hội thảo, tập huấn trong nước	Tổ chức 02 hội thảo, hội nghị. Số đại biểu tham dự khoảng 160 đại biểu.

HD	Các hoạt động theo các mục tiêu	Kết quả đầu ra
11	<i>Quản lý dự án</i>	
	- Trang thiết bị và đồ dùng văn phòng	Thiết bị đã mua và đang sử dụng có hiệu quả.
	- Chi thường xuyên	Chi thường xuyên được chi tiêu theo kế hoạch theo đúng quy định.
	Hỗ trợ kỹ thuật thông qua các tư vấn, chuyên gia trong nước	Không thực hiện tại tuyến tỉnh

4. Các hoạt động năm 2017

Mục tiêu 1: Phát triển nhân lực y tế cơ sở

Hoạt động 2. Tập huấn về thực hành tiêm chủng cho cán bộ Y tế tuyến huyện (lớp 03 ngày)

Trung tâm Y tế tuyến huyện là đơn vị quản lý và chỉ đạo công tác tiêm chủng tuyến xã. Để đáp ứng được hoạt động, cán bộ y tế tuyến huyện phải nắm vững về chuyên môn kỹ thuật để hỗ trợ và giúp đỡ tuyến xã, do vậy cần tổ chức lớp huấn luyện về Thực hành Tiêm chủng cho đối tượng này.

Bảng 26. Xác định nhu cầu KH 2017

TT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Số huyện	8	
2	Số lượng cán bộ cần được tập huấn		
	- TTYTDP	16	
	- Bệnh viện	8	
	- Khác	18	
3	- Cán bộ đã được tập huấn (từ tất cả các nguồn), trong đó:	80	
	- Số cán bộ có chứng chỉ tiêm chủng hết hạn 2017	80	
4	Số cán bộ y tế chưa được đào tạo	0	
5	Nhu cầu đào tạo 2017 (lớp)	5	40 HV/lớp

Bảng 27. Số lớp của KH 2017

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1	<i>Kế hoạch 2016 đã được duyệt</i>	02 lớp		
	- Thực hiện 2016	02 lớp		
	- Chuyển 2017		0 lớp	
2	Bổ sung 2017		2 lớp	
3	Tổng thực hiện 2017		2 lớp	

Bảng 28. Dự kiến lịch thực hiện các lớp năm 2017

TT	Lớp	Dự kiến thời gian khai giảng	Dự kiến thời gian kết thúc	Dự kiến số lượng học viên đầu vào
	Lớp 1	20/2/2017	22/2/2017	40
	Lớp 2	27/2/2017	01/3/2017	40
	Tổng số lớp: 02			
	Tổng số học viên: 80			80

Phương thức thực hiện: Sở Y tế là đầu mối tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh và các đơn vị liên quan. Mỗi lớp tổ chức trong 3 ngày, 40 học viên/lớp. Giảng viên là các cán bộ đã tham gia lớp tập huấn giảng viên tuyển tỉnh về thực hành tiêm chủng cho cán bộ Trạm Y tế xã và Bệnh viện huyện do Ban quản lý dự án tổ chức hoặc khóa tương đương do tuyển trung ương tổ chức trước đây.

Khi tổ chức các lớp tập huấn, để quản lý, theo dõi học viên cần thực hiện công tác điểm danh bằng chữ ký theo từng buổi học (sáng/chiều), thực hiện đánh giá đầu vào và đánh giá đầu ra. Học viên đủ điều kiện được cấp chứng nhận sau khi đã tham gia tập huấn.

Đối tượng tập huấn: Cán bộ Trung tâm Y tế, bệnh viện đa khoa các tuyến, phòng y tế và cán bộ tại các phòng tiêm chủng dịch vụ, nhà hộ sinh... thực hiện công tác tiêm chủng.

Chương trình, tài liệu tập huấn: Do Sở Y tế phê duyệt trên cơ sở tài liệu hướng dẫn về thực hành tiêm chủng của Chương trình Tiêm chủng mở rộng quốc gia.

Thời gian dự kiến thực hiện: Từ tháng 1-9/2017 (bao gồm thời gian quyết toán, báo cáo,...)

Kết quả dự kiến: 02 lớp.

Hoạt động 3. Tập huấn về thực hành tiêm chủng cho cán bộ TYT xã

Theo quy định chung của Bộ Y tế, Nhân viên y tế thực hiện công tác tiêm chủng phải được tập huấn các quy định về tiêm chủng an toàn và được cấp giấy chứng nhận tham dự tập huấn. Tuy nhiên, do thiếu kinh phí nên việc tập huấn mới, tập huấn lại cho cán bộ y tế tại mỗi Trạm Y tế xã bị hạn chế. Hàng tháng, vào ngày tiêm chủng của chiến dịch, một Trạm Y tế có thể tiêm cho 60-100 trẻ tại Trạm. Ngoài ra, cán bộ y tế còn tiến hành tiêm chủng tại các điểm tiêm chủng ngoại trạm (4-6 điểm). Do đó, nếu chỉ có 2 nhân viên đủ điều kiện tiêm là không đủ. Kinh nghiệm của Dự án GAVI giai đoạn 1 cho thấy, tập huấn tiêm chủng cho nhân viên của trạm mang lại các kết quả tích cực, nâng cao chất lượng và độ bao phủ tiêm chủng.

Bảng 29. Xác định nhu cầu KH 2017

TT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Số xã	71	
2	Số lượng cán bộ cần được tập huấn	200	
3	Cán bộ đã được tập huấn (từ tất cả các nguồn), trong đó: Số cán bộ có chứng chỉ hết hạn 2017	120	
4	Số cán bộ y tế chưa được đào tạo	80	
5	Nhu cầu đào tạo 2017 (lớp) - Lớp 5 ngày - Lớp 3 ngày	80 120	40 HV/lớp

Bảng 30. Tổng hợp số lớp tập huấn Thực hành tiêm chủng cho cán bộ y tế tuyến xã

TT	Nội dung	Năm 2016		Năm 2017		Ghi chú
		Lớp 5 ngày	Lớp 3 ngày	Lớp 5 ngày	Lớp 3 ngày	
1	Kế hoạch 2016 đã được duyệt	3	2	2	3	
	- Thực hiện 2016	1	0	2	2	
	- Chuyển 2017	2	2	2	3	
2	Bổ sung 2017	0	0	0	2	
3	Tổng thực hiện 2017	0	0	2	3	

Bảng 31. Dự kiến lịch triển khai các lớp tập huấn tiêm chủng cho cán bộ TYT xã năm 2017

TT	Lớp	Dự kiến thời gian khai giảng	Dự kiến thời gian kết thúc	Dự kiến số lượng học viên đầu vào
1	Loại lớp 3 ngày (Tập huấn lại)			Từ 40HV/lớp
	Lớp 1	06/3/2017	08/3/2017	40
	Lớp 2	13/3/2017	15/3/2017	40
	Lớp 3	20/3/2017	22/3/2107	40
2	Loại lớp 5 ngày (Tập huấn cho HV mới)			Từ 40HV/lớp
	Lớp 1	27/3/2017	31/3/2107	40
	Lớp 2	03/4/2017	07/4/2017	40
	Tổng số lớp: 05			
	Tổng số học viên: 200			200

Phương thức thực hiện: Sở Y tế là đầu mối tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp với TTYT tỉnh và các đơn vị liên quan. Mỗi lớp tổ chức trong 5 ngày cho các đối tượng mới chưa được đào tạo từ tất cả các nguồn, 3 ngày cho các đối tượng đã được đào tạo nhưng cần được cập nhật lại, chứng chỉ hết thời hạn, 40 học viên/lớp. Giảng viên là các cán bộ đã tham gia lớp tập huấn giảng viên tuyến tỉnh về thực hành tiêm

chủng cho cán bộ trạm y tế xã và bệnh viện huyện do Ban QLDA tổ chức hoặc khóa tương đương do tuyển trung ương tổ chức trước đây.

Khi tổ chức các lớp tập huấn, cần thực hiện công tác điểm danh bằng chữ ký theo từng buổi học (sáng/chiều), thực hiện đánh giá đầu vào và đánh giá đầu ra. Học viên đủ điều kiện được cấp chứng nhận sau khi đã tham gia tập huấn.

Đối tượng tập huấn: Cán bộ TYT xã, ưu tiên những cán bộ làm công tác về tiêm chủng mở rộng, công tác chuyên môn khác có liên quan và cán bộ quản lý Trạm Y tế xã.

Chương trình, tài liệu tập huấn: Do Sở Y tế phê duyệt trên cơ sở tài liệu hướng dẫn về thực hành tiêm chủng của Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia.

Thời gian dự kiến thực hiện: Từ tháng 01-9/2017.

Kết quả dự kiến: 05 lớp.

Hoạt động 4. Tập huấn về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em cho cán bộ TYT

Chương trình CSSK bà mẹ và trẻ em đã được triển khai ở Việt Nam từ nhiều năm. Các tài liệu và giáo trình giảng dạy cho cán bộ y tế tuyển tỉnh, huyện, xã đã được phát triển. Tuy nhiên, ở một số vùng khó khăn, cán bộ của TYT xã chưa được đào tạo đầy đủ về chăm sóc sức khỏe sinh sản, do đó các chỉ tiêu về sức khỏe sinh sản đạt mức thấp.

Bảng 32. Số lớp của KH 2017

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1	Kế hoạch 2016 đã được duyệt	08 lớp		
	- Thực hiện 2016	02 lớp		
	- Chuyển 2017		06 lớp	
2	Được bổ sung 2017		0 lớp	
	Tổng thực hiện 2017		06 lớp	

Bảng 33. Dự kiến lịch thực hiện các lớp năm 2017

TT	Lớp	Dự kiến thời gian khai giảng	Dự kiến thời gian kết thúc	Dự kiến số lượng học viên đầu vào
1	Lớp 1	10/4/2017	14/4/2017	30
2	Lớp 2	17/4/2017	21/4/2017	30
3	Lớp 3	24/4/2017	28/4/2017	30
4	Lớp 4	01/5/2017	05/5/2017	30
5	Lớp 5	08/5/2017	12/5/2017	30
6	Lớp 6	15/5/2017	19/5/2017	30
	Tổng số lớp: 6 lớp			
	Tổng số học viên: 180			

Phương thức thực hiện: Sở Y tế là đầu mối tổ chức thực hiện hoạt động phối hợp với các đơn vị liên quan. Mỗi lớp tổ chức trong 5 ngày, khoảng 30 học viên/lớp.

Ban QLDA phối hợp với các đơn vị kỹ thuật để đảm bảo và tăng cường năng lực tập huấn cho đội ngũ giảng viên tuyến tỉnh và giáo trình tài liệu đào tạo.

Khi tổ chức các lớp tập huấn, cần thực hiện công tác điểm danh bằng chữ ký theo từng buổi học (sáng/chiều), thực hiện đánh giá đầu vào và đánh giá đầu ra. Học viên đủ điều kiện được cấp chứng nhận sau khi đã tham gia tập huấn.

Đối tượng tập huấn: Cán bộ TYT xã, ưu tiên những cán bộ làm công tác chuyên môn về sản nhi, đỡ đẻ (BS, YSSN, NHS, YS,...). Lưu ý: Các tỉnh sẽ bố trí lịch tập huấn phù hợp để mời cán bộ tuyến xã đi tập huấn nhưng vẫn đảm bảo Trạm y tế vẫn có đủ nhân lực để trực và triển khai hoạt động thường quy của trạm.

Chương trình, tài liệu tập huấn: Do các tỉnh chủ động xây dựng, phê duyệt trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Y tế (Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em) theo tài liệu lớp TOT do Ban QLDA phối hợp với Vụ SKBMTE thực hiện theo tài liệu Người đỡ đẻ có kỹ năng & Chăm sóc sản khoa - sơ sinh thiết yếu trước, trong và sau đẻ.

Thời gian dự kiến thực hiện: Từ tháng 1-9/2017

Kết quả dự kiến: 06 lớp

Mục tiêu 2: Cải thiện năng lực cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở

Hoạt động 6. Hỗ trợ tổ chức điểm tiêm chủng ngoài trạm ở các xã miền núi

Tỷ lệ tiêm chủng trên toàn quốc hàng năm đều đạt trên 90%. Tuy nhiên, tỷ lệ tiêm DPT3 và tiêm vắc-xin viêm gan B liều sơ sinh vẫn còn thấp, nhất là ở các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa. Vào ngày tiêm chủng, ngoài tổ chức tiêm tại Trạm Y tế xã, các xã tổ chức 4-5 điểm tiêm chủng ngoài trạm ở các thôn, bản xa trung tâm, điều kiện đi lại khó khăn. Tại mỗi điểm tiêm chủng, cần ít nhất 3 nhân viên tiến hành công việc, bao gồm 01 cán bộ Trạm Y tế xã kiểm tra và theo dõi đối tượng sau tiêm, 01 cán bộ Trạm Y tế xã tiến hành tiêm, 01 nhân viên y tế thôn bản để tập hợp và rà soát danh sách bà mẹ và trẻ cần tiêm, liên lạc với hộ gia đình để đưa bà mẹ và trẻ đến điểm tiêm, hỗ trợ hậu cần và tổ chức tiêm. Các tổ chức xã hội như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp... cũng sẽ tham gia hỗ trợ tiêm chủng như truyền thông, vận động, hỗ trợ trong các chiến dịch tiêm chủng. Ngoài thực hành tiêm chủng, đội tiêm chủng cũng tư vấn và cung cấp thông tin cho người dân các kiến thức về sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dinh dưỡng...

Chương trình TCMR quốc gia cũng có chính sách khuyến khích tăng độ bao phủ tiêm chủng thông qua tổ chức các điểm tiêm ngoài trạm, tuy nhiên, do hạn chế về kinh phí nên nhiều địa phương chưa tổ chức hoạt động. Dự án đã hỗ trợ một phần kinh phí cho các điểm tiêm chủng mở thêm nhằm tăng độ bao phủ và khắc phục bớt khó khăn của địa phương, của Chương trình TCMR.

Bảng 34. Số điểm tiêm chủng ngoại trạm được hỗ trợ

TT	Tên các huyện của tỉnh	Tổng số xã của huyện	Số xã có điểm TCNT trong huyện	Tổng số điểm TCNT theo triển khai tại huyện	Tên xã có điểm TCNT được Dự án GAVI hỗ trợ	Số điểm TCNT do Dự án GAVI hỗ trợ/xã	Tên điểm tiêm chủng ngoại trạm 1) Các xã đặc biệt khó khăn (xã 135 giai đoạn 2) 2) Khoảng cách từ trạm y tế đến điểm tiêm từ 3 km trở lên và đi lại rất khó khăn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)
1	Huyện Đăk Glong	06	04	20	04	20	- Cùm 1 - Đăk RMăng - Cùm 2 - Đăk RMăng - Cùm 4 - Đăk RMăng - Cùm 5 - Đăk RMăng - Cùm 14 - Đăk RMăng - Thôn 1 - Đăk PLao - Thôn 2 - Đăk PLao - Thôn 3 - Đăk PLao - Thôn 4 - Đăk PLao - Thôn 5 - Đăk PLao - Thôn 1 - Đăk Nang - Thôn 2 - Đăk Nang - Thôn 3 - Đăk Nang - Thôn 4 - Đăk Som - Thôn 5 - Đăk Som - Thôn 6 - Quảng Hòa - Thôn 7 - Quảng Hòa - Thôn 11 - Quảng Hòa - Thôn 12 - Quảng Hòa - Cùm Suối phèn - Quảng Hòa
2	Huyện Tuy Đức	7	4	20	4	20	- Bản Tân Lập - Đăk Ngo - Bản Ninh Hòa - Đăk Ngo - Bản Đoàn Kết - Đăk Ngo - Bản Si Át - Đăk Ngo - Bản Giang Châu - Đăk Ngo - Thôn 2 - Quảng Tâm - Thôn 3 - Quảng Tâm

TT	Tên các huyện của tỉnh	Tổng số xã của huyện	Số xã có điểm TCNT trong huyện	Tổng số điểm TCNT theo triển khai tại huyện	Tên xã có điểm TCNT được Dự án GAVI hỗ trợ	Số điểm TCNT do Dự án GAVI hỗ trợ/xã	Tên điểm tiêm chủng ngoài trạm 1) Các xã đặc biệt khó khăn (xã 135 giai đoạn 2) 2) Khoảng cách từ trạm y tế đến điểm tiêm từ 3 km trở lên và đi lại rất khó khăn
							- Thôn 4 - Quảng Tâm - Thôn 5 - Quảng Tâm - Thôn 6 - Quảng Tâm - Bon Bu P' Răng 1 - Quảng Trục - Bon Bu P' Răng 2 - Quảng Trục - Bon Bu Lum - Quảng Trục - Bon Đắc Huýt - Quảng Trục - Bon Bu Sóp - Quảng Trục
3	Huyện Đắc Song	9	4	20	4	20	- Bon Bu Bơ - Trường Xuân - Bon Bu Păh - Trường Xuân - Thôn 10 - Trường Xuân - Thôn 9 - Trường Xuân - Thôn Băng Sim - Trường Xuân - Bon Tu Xoay - Đắc NĐrung - Thôn Đắc Tiên - Đắc NĐrung - Thôn Đắc Rmo - Đắc NĐrung - Thôn Đắc Kual 3 - Đắc NĐrung - Thôn Đắc Kual 5 - Đắc NĐrung - Thôn 8 - Thuận Hà - Thôn 4 - Thuận Hà - Bon Đắc Thốt - Thuận Hà

TT	Tên các huyện của tỉnh	Tổng số xã của huyện	Số xã có điểm TCNT trong huyện	Tổng số điểm TCNT theo triển khai tại huyện	Tên xã có điểm TCNT được Dự án GAVI hỗ trợ	Số điểm TCNT do Dự án GAVI hỗ trợ/xã	Tên điểm tiêm chủng ngoài trạm 1) Các xã đặc biệt khó khăn (xã 135 giai đoạn 2) 2) Khoảng cách từ trạm y tế đến điểm tiêm từ 3 km trở lên và đi lại rất khó khăn
							- Thôn 2 - Thuận Hà - Thôn 7 - Thuận Hà - Thôn Đắc Sơn II - Đắc Hòa - Thôn Đắc Sơn III - Đắc Hòa - Thôn Đắc Hòa I - Đắc Hòa - Thôn Tân Bình I - Đắc Hòa - Thôn Rừng Lạnh - Đắc Hòa
4	Huyện Đắc Mil	10	3	15	3	15	- Thôn 1 - Đắc NDrot - Thôn 4 - Đắc NDrot - Thôn 6 - Đắc NDrot - Bon Đắc La - Đắc NDrot - Thôn 10 - Đắc NDrot - Thôn Đông Sơn - Long Sơn - Thôn Tây Sơn - Long Sơn - Thôn Tân Sơn - Long Sơn - Thôn Nam Sơn - Long Sơn - Ngã ba Tây Sơn - Long Sơn - Đông Sơn - Long Sơn - Thôn Bắc Sơn - Đắc Gắn - Thôn Nam Định - Đắc Gắn - Thôn Tân Lập - Đắc Gắn - Bản Cao lạng - Đắc Gắn - Nam Sơn - Đắc Gắn
5	Huyện	11	2	10	2	10	- Thôn 8 - Đắc Ru

TT	Tên các huyện của tỉnh	Tổng số xã của huyện	Số xã có điểm TCNT trong huyện	Tổng số điểm TCNT theo triển khai tại huyện	Tên xã có điểm TCNT được Dự án GAVI hỗ trợ	Số điểm TCNT do Dự án GAVI hỗ trợ/xã	Tên điểm tiêm chủng ngoài trạm 1) Các xã đặc biệt khó khăn (xã 135 giai đoạn 2) 2) Khoảng cách từ trạm y tế đến điểm tiêm từ 3 km trở lên và đi lại rất khó khăn
	Đắk R'Lấp						- Thôn Tân Lập - Đắk Ru - Thôn Đoàn Kết - Đắk Ru - Bon Sê Rê I - Đắk Ru - Thôn Tân Tiến - Đắk Ru - Thôn Quảng Sơn - Nghĩa Thắng - Thôn 1 - Hưng Bình - Thôn 5 - Hưng Bình - Thôn 6 - Hưng Bình - Thôn 7 - Hưng Bình - Bon Châu Mạ - Hưng Bình - Thôn 6 - Nhân Đạo - Thôn 7 - Nhân Đạo
6	Huyện Krông Nô	12	6	14	6	14	- Đèo 52 - Đắk Nang - Phú Tân - Đắk Nang - Phú Thịnh - Đắk Nang - Buôn choah 1 - Buôn choah - Buôn choah 1 - Buôn choah - Thôn Ninh Giang - Buôn choah - Thôn Tân Lập - Năm Nung - Thôn Thanh Thái - Năm Nung - Thôn Nam Tiến - Năm Nung - Thôn Đắk Na - Tân Thành - Thôn Đắk Ri - Tân Thành - Thôn Đắk Rô - Tân Thành

TT	Tên các huyện của tỉnh	Tổng số xã của huyện	Số xã có điểm TCNT trong huyện	Tổng số điểm TCNT theo triển khai tại huyện	Tên xã có điểm TCNT được Dự án GAVI hỗ trợ	Số điểm TCNT do Dự án GAVI hỗ trợ/xã	Tên điểm tiêm chủng ngoài trạm 1) Các xã đặc biệt khó khăn (xã 135 giai đoạn 2) 2) Khoảng cách từ trạm y tế đến điểm tiêm từ 3 km trở lên và đi lại rất khó khăn
							- Buôn Chơi - Đức Xuyên - Thôn Nam Xuân - Nâm NĐir
7	Huyện Cư Jút	8	2	10	2	10	- Thôn 6 - Đăk Wil - Thôn 7 - Đăk Wil - Thôn 9 - Đăk Wil - Thôn 10 - Đăk Wil - Thôn 12 - Đăk Wil - Thôn 4 - Cư KNia - Thôn 8 - Cư KNia - Thôn 9 - Cư KNia - Thôn 18 - Cư KNia - Thôn Đồi Mây - Cư KNia
	Cộng	63	25	110	25	110	

Dự án GAVI vẫn tiếp tục hỗ trợ tổ chức các điểm tiêm chủng ngoài trạm cho 10 tỉnh Dự án với một số tiêu chí: i) ở một số xã miền núi, xã đặc biệt khó khăn (Các xã đặc biệt khó khăn là xã 135 giai đoạn 2), mỗi xã tối đa 5 điểm; ii) có khoảng cách từ Trạm Y tế đến điểm tiêm từ 3 km trở lên và đi lại khó khăn; Sở Y tế có trách nhiệm xác định và phê duyệt các điểm tiêm ngoài trạm này. Việc tổ chức các điểm tiêm thực hiện theo quy định của Bộ Y tế. Nội dung hỗ trợ bao gồm chi phí đi lại, thù lao cho cán bộ tham gia. Hoạt động này sẽ giúp tăng độ bao phủ và chất lượng tiêm chủng ở các thôn, bản vùng sâu, vùng xa, đồng thời góp phần thực hiện công bằng trong chăm sóc sức khỏe.

Thời gian dự kiến thực hiện: Từ tháng 01-9/2017

Kết quả: Mỗi năm có 110 điểm tiêm chủng ngoài trạm được dự án hỗ trợ.

Mục tiêu 3: Tăng cường năng lực quản lý để đáp ứng nhu cầu đổi mới và phát triển ngành y tế.

Hoạt động 7. Tập huấn về lập kế hoạch, theo dõi và giám sát cho cán bộ quản lý y tế tuyến tỉnh và huyện.

Trong hệ thống quản lý y tế các cấp, nhất là y tế cơ sở, cán bộ quản lý thường là người có chuyên môn y tế, ít được đào tạo, tập huấn về kỹ năng, phương pháp quản lý. Tăng cường năng lực quản lý y tế là một trong những nội dung trọng tâm trong đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của ngành y tế.

Ban QLDA tiếp tục hỗ trợ khóa tập huấn về lập kế hoạch theo dõi giám sát y tế dành cho cán bộ quản lý, cán bộ lập kế hoạch tuyển tỉnh và huyện. Mỗi lớp 3 ngày.

Học viên: Mỗi đơn vị y tế tuyển huyện cử 2-3 cán bộ liên quan tham gia tập huấn. Mỗi lớp khoảng 40 HV/lớp.

Nội dung tập huấn bao gồm một số vấn đề chính: Lập kế hoạch Ngành Y tế, các chỉ số & quản lý thông tin y tế; theo dõi-giám sát y tế... Tài liệu theo giáo trình tập huấn TOT đã được Ban QLDA tổ chức cho 10 tỉnh.

Thời gian thực hiện: Từ tháng 1-9/2017.

Bảng 35. Số lớp của KH 2017

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1	Kế hoạch 2016 đã được duyệt	Ví dụ : 02 lớp		
-	<i>Thực hiện 2016</i>	51 lớp		
-	<i>Chuyển 2017</i>		01 lớp	
2	Được bổ sung 2017		01 lớp	
Tổng thực hiện 2017			01 lớp	

Bảng 36. Dự kiến lịch thực hiện các lớp năm 2017

TT	Lớp	Dự kiến thời gian khai giảng	Dự kiến thời gian kết thúc	Dự kiến số lượng học viên đầu vào
	<i>Lớp 01</i>	23/5/2017	25/5/2017	40
	Tổng số lớp: 01 lớp			
	Tổng số học viên: 40			40

Hoạt động 9. Hỗ trợ theo dõi và giám sát hoạt động y tế cơ sở

Dự án sẽ hỗ trợ công tác kiểm tra, giám sát hoạt động y tế cơ sở từ tuyến trung ương, tuyển tỉnh, huyện, tuyển xã. Dự kiến, tuyển xã sẽ được tuyển huyện giám sát hàng quý, tuyển huyện sẽ được tuyển tỉnh giám sát 6 tháng/lần, tuyển tỉnh sẽ được tuyển trung ương giám sát hàng năm và đột xuất theo yêu cầu của công việc.

Các nội dung hỗ trợ gồm công tác phí, chỗ ăn ở, phương tiện đi lại cho các cán bộ giám sát.

Nội dung giám sát:

- Giám sát hoạt động của y tế cơ sở, đặc biệt là hoạt động của Trạm Y tế tuyển xã và hoạt động của YTTB: Tập trung vào các hoạt động chuyên môn (tiêm chủng,

chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, khám chữa bệnh, mạng lưới YTCS...), giám sát trọng tâm vào việc sử dụng, quản lý TTB tại các đơn vị thụ hưởng.

- Giám sát tiến độ, chất lượng và hiệu quả các hoạt động của dự án, đảm bảo các hoạt động triển khai tại trường cao đẳng/trung học y tế và các huyện, xã theo các mục tiêu của dự án.

- Giám sát công tác tài chính của dự án: Kế hoạch tài chính, đề nghị tạm ứng, giải ngân, thanh quyết toán.

Phương pháp giám sát: Bảng kiểm; quan sát trực tiếp các hoạt động, các buổi giao ban, các buổi họp; qua sổ sách, các loại báo cáo.

Các cấp giám sát tại địa phương:

- Cấp tỉnh giám sát huyện và xã 02 lần/1 năm (khoảng 06 tháng 1 lần). Cán bộ của Tổ dự án/Sở Y tế, Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh, Trung tâm sức khỏe sinh sản tỉnh và đơn vị trực thuộc Sở Y tế sẽ được lựa chọn để tham gia vào thành phần đoàn giám sát tùy thuộc vào mục tiêu giám sát.

- Cấp huyện giám sát các xã hàng quý (từ Quý I-III). Lựa chọn các xã khó khăn để ưu tiên hỗ trợ trước, đảm bảo số xã giám sát khoảng 1 lần/năm.

Bảng 37. Kế hoạch giám sát từ 01-9/2017 của tuyến tỉnh

TT	Tên đơn vị được giám sát (trường, huyện)	Số chuyển (lượt)	Số người tham gia GS/ 01 chuyển	Số lượt người đi GS	Số lượt (lần) TYT xã được GS	Dự kiến số lần tham gia	
						TTYTDP tỉnh	TTSKSS tỉnh
1	Huyện Krông Nô	10	6	60	8	8	8
2	Huyện Cư Jút	6	6	36	4	4	4
3	Huyện Đắk Mil	8	6	48	6	6	6
4	Huyện Đắk Song	10	6	60	8	8	8
5	Huyện Đắk Glong	10	6	60	8	8	8
6	Huyện Tuy Đức	8	6	48	6	6	6
7	Huyện Đắk Rlấp	6	6	36	4	4	4

Bảng 38. Kế hoạch giám sát từ 01-9/2017 của tuyến huyện

TT	Tên huyện thực hiện giám sát	Tổng số xã trong huyện	Số chuyển đi GS xã (lượt)	Số người tham gia GS/ 01 chuyển	Số lượt người đi GS	Số lượt (lần) TYT xã được GS	Ghi chú
1	Huyện Krông Nô	12	20	2	400	20	
2	Huyện Cư Jút	8	19	2	38	19	

TT	Tên huyện thực hiện giám sát	Tổng số xã trong huyện	Số chuyển đi GS xã (lượt)	Số người tham gia GS/ 01 chuyển	Số lượt người đi GS	Số lượt (lần) TYT xã được GS	Ghi chú
3	Huyện Đắk Mil	10	18	2	36	18	
4	Huyện Đắk Song	9	14	2	28	14	
5	Huyện Đắk Glong	7	12	2	24	12	
6	Huyện Tuy Đức	6	8	2	16	8	
7	Huyện Đắk R'Lấp	11	12	2	24	12	

Thời gian thực hiện: tháng 01 - 9/2017

Kết quả dự kiến: Hoạt động giám sát hỗ trợ các tuyến được thực hiện có hiệu quả. Các thông tin, báo cáo giám sát được chia sẻ và sử dụng nhằm tăng cường chất lượng quản lý, cung cấp dịch vụ tại địa phương và các hoạt động của dự án được triển khai hiệu quả.

Hoạt động 12. Hội nghị, hội thảo, tập huấn trong nước

Trong năm 2017, tỉnh sẽ tiến hành một hội thảo đánh giá hoạt động 2016 và triển khai Kế hoạch 2017 (Dự kiến vào quý I/2017) và 01 Hội Nghị tổng kết đánh giá kết quả thực hiện dự án từ năm 2012-2017 (dự kiến quý III/2017). Thành phần tham dự gồm: Lãnh đạo, cán bộ đầu mối và kế toán của Trung tâm Y tế các huyện/thị xã, các giảng viên của trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ Thuật Phương Nam, các giảng viên của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm CSSKSS tỉnh Đắk Nông, và Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra, các hội thảo, hội nghị do Ban QLDA tổ chức, thành phần đại biểu của tỉnh sẽ được cử tham dự theo kế hoạch của Ban QLDA.

Kết quả dự kiến:

- 01 Hội thảo đánh giá kết quả hoạt động 2016 và triển khai Kế hoạch 2017 với 71 đại biểu tham dự.
- 01 Hội thảo tổng kết đánh giá kết quả hoạt động của dự án giai đoạn từ năm 2012-2017 với 71 người tham dự.

Quản lý dự án

- Tại các tỉnh có Tổ thực hiện dự án có cán bộ chuyên trách, đây là các đầu mối chính trong việc quản lý và thực hiện dự án. Nguồn kinh phí để duy trì hoạt động thường xuyên, gồm các khoản như: Chi trả tiền lương, phụ cấp cho cán bộ; mua sắm tài sản và chi thường xuyên.

- Để đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, tuân thủ theo các qui định của Dự án, của Chính phủ Việt Nam và Nhà tài trợ, hàng năm Ban QLDA sẽ thuê công ty kiểm toán độc lập tiến hành kiểm toán việc triển khai hoạt động và sử dụng kinh phí tại Ban QLDA và 10 tỉnh.

Kết quả dự kiến: Các hoạt động quản lý dự án được thực hiện có hiệu quả trong thời gian Dự án hoạt động.

5. Kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn kinh phí viện trợ của Dự án GAVI, với tổng kinh phí: 189.300 USD tương đương 4.147.000.000 đồng

6. Kế hoạch thời gian thực hiện: (Phụ lục 1 kèm theo, kinh phí thực hiện do Dự án GAVI tài trợ).

7. Kinh phí thực hiện Kế hoạch: (Phụ lục 2, 3 kèm theo, kinh phí thực hiện do Dự án GAVI tài trợ).

PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

TT	Hoạt động	Năm 2017			
		Q1	Q2	Q3	Q4
I	Các hoạt động cụ thể của dự án				
	Mục tiêu 1. Phát triển nhân lực y tế tuyến cơ sở				
1	HĐ 2: Tập huấn về thực hành tiêm chủng cho cán bộ y tế tuyến huyện	X	X		
2	HĐ 3: Tập huấn về thực hành tiêm chủng cho cán bộ TYT xã	X	X		
3	HĐ 4: Tập huấn về CSSKBMTE cho cán bộ TYT xã	X	X		
4	HĐ 14 a,b: Tập huấn tiêm chủng cho tuyến tỉnh	Ban QLDA thực hiện			
	Mục tiêu 2. Tăng cường năng lực cung ứng dịch vụ y tế cơ sở				
5	HĐ 5: Cung cấp TTB thiết yếu cho TTYT huyện, TYT xã, túi YTTB (quản lý và sử dụng)	Đã hoàn thành 2015			
6	HĐ 6: Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoài trạm	X	X	X	
	Mục tiêu 3. Tăng cường năng lực quản lý y tế				
7	HĐ 7: Tập huấn về quản lý y tế cho cán bộ y tế tuyến tỉnh	X	X		
8	HĐ 8: Hỗ trợ BC JAHR	Ban QLDA thực hiện			
9	HĐ 9: Hỗ trợ công tác theo dõi và giám sát	X	X	X	X
10	HĐ 10: Hỗ trợ các nghiên cứu,...	Ban QLDA thực hiện			
11	HĐ 11: HT nước ngoài				
12	HĐ12: Tập huấn, hội nghị, hội thảo trong nước	X		X	
13	Quản lý dự án				
	Chi thường xuyên cho địa phương	X	X	X	X
	Kiểm toán dự án	X			
	Đánh giá kết thúc dự án		X	X	

PHỤ LỤC 2
NGÂN SÁCH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số **234/QĐ-UBND** Ngày **14** tháng **02** năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

A/ Phần tổng hợp

TT HĐ	Mã số HĐ	Hoạt động	Số lượng			Định mức/lớp	Thành tiền	Ghi chú
			Tổng 2 năm	Năm 2016	Năm 2017			
A	B	C	1=2+3	2	3	4	5=1*4	
	100	Mục tiêu 1. Phát triển nhân lực y tế tuyến cơ sở					119,500	
2	102	Tập huấn thực hành tiêm chủng cho cán bộ TTYT huyện	2	0	2	12,500	25,000	
3	103	Tập huấn thực hành tiêm chủng cho cán bộ TYT xã	5	3	2	8,100	40,500	
4	104	Tập huấn về CSSKBMTE cho cán bộ TYT xã	6	6	0	9,000	54,000	
	200	Mục tiêu 2. Tăng cường năng lực cung ứng dịch vụ y tế cơ sở					11,900	
5		Cung cấp TTB thiết yếu cho TTYT huyện, xã và YTTB	0				-	
5.1	201	Cung cấp TTB thiết yếu cho TTYT huyện	0		0	-	-	
5.2	202	Cung cấp TTB thiết yếu cho TYT xã	0		0	-	-	
5.3	203	Cung cấp túi YTTB	0		0	-	-	
6	204	Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoài trạm	9	0	9	1,322	11,900	
	300	Mục tiêu 3. Tăng cường năng lực quản lý y tế					39,900	
		Tập huấn về lập KH và M&E cho CBYT tuyến tỉnh/huyện	1	1	0	12,500	12,500	
8	302	Hỗ trợ xây dựng JAHR	0	0	0	0	-	
9	303	Hỗ trợ công tác theo dõi và giám sát	2	0	2	2,800	5,600	
10	304	Hỗ trợ nghiên cứu, sáng kiến, chính sách	0	0			-	
11	305	Tập huấn, hội thảo, thăm quan học tập nước ngoài	0	0	0	-	-	
12	306	Tập huấn, hội nghị, hội thảo trong nước	2	0	2	10,900	21,800	
	400	Quản lý dự án					18,000	
13	401	Trang thiết bị	0	0	0	-	-	
14	402	Chi phí quản lý dự án	12	0	12	500	6,000	



15	403	Lương cho cán bộ dự án		12	0	12	1,000	12,000	
16	404	Phụ cấp cho BQLDA		0				-	
17	405	Kiểm toán hằng năm		0				-	
18	406	Điều tra đầu kỳ và cuối kỳ		0				-	
19	407	Tư vấn quốc tế		0				-	
20	408	Tư vấn trong nước		0				-	
		Tổng cộng						189,300	

Tỷ giá : 1 USD = 21.903

PHỤ LỤC 3 KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 24/QĐ-UBND Ngày 14 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Tỷ giá quy đổi: 1 USD = 20.903đ

Mã số HD	Hoạt động	Số dư KP năm trước mang sang (VNĐ)	KP được phân bổ theo KH 2016		KP ước quyết toán đến 31/12/2016		KP đã thực hiện chưa quyết toán trong năm 2016		KP chưa thực hiện chuyển sang KH năm 2016 (VNĐ)	Kinh phí năm 2017	
			VND	USD	VND	USD	VND	USD		USD	VND
B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9=1+3-5-7-8	
100	Mục tiêu 1. Phát triển nhân lực y tế tuyến cơ sở		1,482,901,795	120,247	2,516,492,298	119,627	2,423,423,388	115,203	(63,068,140)	119,500	2,618,000,000
101	Đào tạo 6-9 tháng cho NVYT TB		510,055,795	74,000	1,351,644,572	64,254		-	28,451,906		-
	+ Lớp 9 tháng		-	-		-		-		-	-
	+ Lớp 6 tháng		510,055,795	74,000	1,351,644,572	64,254	1,351,644,572	64,254	28,451,906	-	-
102	Tập huấn về thực hành tiêm chủng cho cán bộ TTYT huyện	26,874,352	397,946,000	18,917	397,946,000	18,917	304,877,090	14,493		25,000	548,000,000
103	Tập huấn về thực hành tiêm chủng cho cán bộ TYT xã	81,325,232	327,000,000	15,545	365,000,000	17,351	365,000,000	17,351	2,019	40,500	887,000,000
104	Tập huấn về CSSKBMTE cho cán bộ TYT xã	62,479,661	247,900,000	11,785	401,901,726	19,105	401,901,726	19,105	91,522,065	54,000	1,183,000,000
200	Mục tiêu 2. Tăng cường năng lực cung ứng dịch vụ y tế cơ sở		339,873,000	16,157	339,873,000	16,157	-	-	-	11,900	261,000,000
	Cung cấp TTB thiết yếu cho TTYT huyện, xã và y		339,873,000	16,157	339,873,000	16,157	-	-	-	-	-

	tế thôn bản																		
201	Cung cấp TTB thiết yếu cho TTYT huyện					-													
202	Cung cấp TTB thiết yếu cho TYT xã					-													
203	Cung cấp túi YTTB					-													
204	Hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoài trạm				339,873,000	16,157	339,873,000	16,157									11,900		261,000,000
300	Mục tiêu 3. Tăng cường năng lực quản lý y tế				737,508,000	35,059	661,509,450	31,446	284,001,450	13,500	-	39,900							874,000,000
301	Tập huấn về lập KH và M&E cho cán bộ y tế tuyến tỉnh và Huyện				266,000,000	12,645	266,000,000	12,645	170,000,000	8,081		12,500							274,000,000
302	Hỗ trợ xây dựng JAHN					-													
303	Hỗ trợ công tác theo dõi và giám sát	88,346,191	281,508,000	13,382	281,508,000	13,382		13,382				5,600							123,000,000
304	Hỗ trợ nghiên cứu, sáng kiến, chính sách					-													
305	Tập huấn, hội thảo, thăm quan học tập nước ngoài					-													
306	Tập huấn, hội nghị, hội thảo trong nước	4,884,266	190,000,000	9,032	114,001,450	5,419	114,001,450	5,419	114,001,450	5,419		21,800							477,000,000
400	Quản lý dự án		402,689,005	19,143	473,434,454	22,506	312,600,600	14,860	-	18,000									394,000,000
401	Trang thiết bị					-													
402	Chi phí quản lý dự án	15,640,849	145,193,005	6,902	160,833,854	7,646						6,000							131,000,000
403	Lương cho cán bộ dự án		257,496,000	12,241	312,600,600	14,860	312,600,600	14,860		14,860		12,000							263,000,000
404	Phụ cấp cho BQLDA					-													
405	Kiểm toán hằng năm					-													

